



Danh Mục Thuốc 2024

Có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2024



Ambetter.SuperiorHealthPlan.com

Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

TÓM TẮT QUYỀN LỢI DANH MỤC THUỐC

Thông tin trong tài liệu này được thiết kế để giúp quý vị hiểu được các quyền lợi về thuốc theo toa được cung cấp theo chương trình này, và so sánh các quyền lợi này với các quyền lợi mà các chương trình khác cung cấp. Thông tin trong bản tóm tắt này được thiết kế để giúp quý vị so sánh giá trị và phạm vi quyền lợi danh mục thuốc.

HƯỚNG DẪN TÌM THÔNG TIN VỀ CHI PHÍ CỦA THUỐC THEO TOA

Để tìm chi phí thuốc theo toa, vui lòng truy cập <https://ambetter.superiorhealthplan.com/resources/pharmacy-resources.html>. Trong công cụ Chi Phí Thuốc, vui lòng chọn chương trình mà quý vị đang tham gia (dự định tham gia) và nhập loại thuốc quý vị đang dùng. Công cụ này sẽ cung cấp cho quý vị chi phí ước tính của thuốc theo toa và chi phí thực tế được phép cho các sản phẩm biệt dược. Nếu tổng chi phí thuốc nhỏ hơn khoản đồng thanh toán mà quý vị phải trả cho Bậc đó, quý vị sẽ chỉ có trách nhiệm chi trả khoản tiền nào ít hơn.

DANH MỤC THUỐC THEO CHƯƠNG TRÌNH QUYỀN LỢI Y TẾ

Chương Trình	Danh Mục Thuốc	Tóm Tắt Quyền Lợi và Bảo Hiểm
Ambetter Virtual Access Gold (2024)	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2024-brochures.html
Ambetter Virtual Access Gold \$0 Deductible (2024)	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2024-brochures.html
Ambetter Virtual Access Silver (2024)	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2024-brochures.html
Clear Gold (2024)	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2024-brochures.html
Clear Gold (2024)	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2024-brochures.html
Clear Silver (2024)	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2024-brochures.html
Clear Silver (2024)	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2024-brochures.html
Clear VALUE Silver (2024)	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2024-brochures.html
Complete Gold (2024)	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2024-brochures.html
Complete Gold (2024)	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2024-brochures.html
Complete Silver (2024)	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2024-brochures.html
Complete Silver (2024)	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2024-brochures.html

Chương Trình	Danh Mục Thuốc	Tóm Tắt Quyền Lợi và Bảo Hiểm
Complete VALUE Silver (2024)	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2024-brochures.html
Everyday Gold (2024)	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2024-brochures.html
Everyday VALUE Gold (2024)	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2024-brochures.html
Focused Silver (2024)	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2024-brochures.html
Focused Silver (2024)	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2024-brochures.html
Focused VALUE Silver (2024)	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2024-brochures.html
Gold 201 HSA (2024)	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2024-brochures.html
Gold 202 (2024)	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2024-brochures.html
Silver 201 HSA (2024)	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2024-brochures.html
Silver 203 (2024)	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2024-brochures.html
Standard Ambetter Virtual Access Gold (2024)	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2024-brochures.html
Standard Ambetter Virtual Access Silver (2024)	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2024-brochures.html
Standard Gold (2024)	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2024-brochures.html
Standard Gold (2024)	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2024-brochures.html
Standard Gold VALUE (2024)	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2024-brochures.html
Standard Silver (2024)	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2024-brochures.html
Standard Silver (2024)	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2024-brochures.html
Standard Silver VALUE (2024)	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2024-brochures.html

THUỐC THEO BẬC CHIA SẼ CHI PHÍ

Bậc	Phần trăm thuốc trong mỗi bậc chia sẻ chi phí:
0	5.68%
1a	4.89%
1b	77.32%
2	1.26%
3	3.58%
4	7.27%

THUỐC THEO TOA ĐƯỢC ĐÀI THỌ NHƯ THẾ NÀO THEO CHƯƠNG TRÌNH

A. THÀNH PHẦN CỦA DANH MỤC THUỐC:

Danh mục thuốc của Ambetter được hướng dẫn theo nguyên tắc về cung cấp khả năng tiếp cận lớn nhất có thể với các loại thuốc ở mức chi phí thấp nhất. Với suy nghĩ đó, chúng tôi bắt đầu áp dụng thang điểm chuẩn bắt buộc của Đạo Luật Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Cả Phải Chăng. Sau đó chúng tôi sẽ xem xét danh mục thuốc để bổ sung các loại thuốc phù hợp và cần thiết về mặt lâm sàng khác. Danh mục thuốc của Ambetter được coi là một danh mục thuốc hạn chế. Điều này có nghĩa là bất kỳ loại thuốc nào không có trong danh mục thuốc đều phải có sự ủy quyền trước. Để đảm bảo rằng các hội viên của chúng tôi có thể tiếp cận các loại thuốc thích hợp, chúng tôi xem xét và cập nhật danh mục thuốc của mình hàng tháng.

B. QUYỀN KHÁNG CÁO

Nếu chúng tôi từ chối yêu cầu Ủy Quyền Trước của quý vị, quý vị có 180 ngày kể từ khi bị từ chối bảo hiểm cho một loại thuốc để nộp đơn kháng cáo, và kháng cáo của quý vị sẽ được giải quyết trong vòng 30 ngày. Trong trường hợp kháng cáo của quý vị thành công, các loại thuốc không chuyên khoa không thuộc danh mục thuốc sẽ được đài thọ theo mức chia sẻ chi phí Bậc 3 (đồng thanh toán hoặc đồng bảo hiểm) và các loại thuốc chuyên khoa không thuộc danh mục thuốc sẽ được đài thọ theo mức chia sẻ chi phí Bậc 4 (đồng thanh toán hoặc đồng bảo hiểm). Vui lòng tham khảo Tóm Tắt Quyền Lợi và Bảo Hiểm của cá nhân quý vị để biết thêm thông tin về mức chia sẻ chi phí của mình. Tất cả những điều khoản khác về quyền lợi của quý vị, chẳng hạn như khoản khấu trừ và số tiền tự trả tối đa, áp dụng cho các loại thuốc có trong danh mục thuốc và không có trong danh mục thuốc đã được cung cấp thông qua kháng cáo.

C. DUY TRÌ BẢO HIỂM

Ambetter không thực hiện thay đổi đối với danh mục thuốc cần duy trì bảo hiểm. Tuy nhiên, nếu một thay đổi về danh mục thuốc yêu cầu phải duy trì bảo hiểm, quý vị sẽ có quyền tiếp tục nhận thuốc ở mức hoặc bậc bảo hiểm mà tại đó, thuốc này đã được đài thọ vào thời điểm đầu năm chương trình, cho tới khi chương trình của quý vị được gia hạn.

D. SỬ DỤNG THUỐC KHÔNG THEO HƯỚNG DẪN TRÊN NHÃN

Chúng tôi có đài thọ cho trường hợp sử dụng thuốc không theo hướng dẫn trên nhãn. Việc sử dụng thuốc không theo hướng dẫn trên nhãn chưa được FDA chấp thuận cho tình trạng đó. Việc chi trả bảo hiểm cho một sản phẩm theo chính sách sử dụng thuốc không theo hướng dẫn trên nhãn yêu cầu những điều sau phải đúng:

- Mục đích sử dụng thuốc phải được chẩn đoán cụ thể được xác định theo mã ICD-10 VÀ
- Việc sử dụng thuốc không theo hướng dẫn trên nhãn phải được hỗ trợ bởi một nghiên cứu lớn tại nhiều địa điểm hoặc ba nghiên cứu nhỏ hơn được công bố trên tạp chí y khoa, tạp chí y chuyên khoa được bình duyệt uy tín, hoặc được liệt kê trong bản tóm tắt có uy tín.

E. CHIA SẼ CHI PHÍ

Chia sẻ chi phí là khoản tiền quý vị cần đóng góp vào dịch vụ chăm sóc của quý vị. Quý vị sẽ cần biết một số mục để xác định mức chia sẻ chi phí mà quý vị chịu trách nhiệm thanh toán. Việc nắm được các mục dưới đây sẽ giúp quý vị ước tính chi phí mà quý vị sẽ phải chịu tại bất kỳ thời điểm nào: quý vị đã thanh toán bao nhiêu cho khoản khấu trừ, số tiền khấu trừ còn lại, loại thuốc quý vị được kê toa và khoản trợ cấp tự chi trả tối đa của quý vị. Quý vị có thể xem tất cả các mục này, ngoại trừ bậc thuốc, trong bản Tóm Tắt Quyền Lợi và Bảo Hiểm (xem các đường liên kết ở trên). Để xem bậc thuốc của quý vị, vui lòng tham khảo Danh Mục Thuốc. Để xác định mức chia sẻ chi phí của quý vị, vui lòng thực hiện theo các bước sau đây:

- a. Xác định bậc của loại thuốc/sản phẩm quý vị đang mua bằng cách tham khảo Danh Mục Thuốc.
- b. Khi quý vị đã xác định được bậc thuốc, hãy sử dụng bản Tóm Tắt Quyền Lợi và Bảo Hiểm (SBC) để xác định mức chia sẻ chi phí sẽ được áp dụng cho thuốc/sản phẩm đã chọn của quý vị.
- c. Nếu quý vị chưa đáp ứng khoản khấu trừ của mình, quý vị sẽ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ chi phí thuốc cho đến khi quý vị đáp ứng khoản khấu trừ của mình.
- d. Nếu quý vị đã đáp ứng khoản khấu trừ nhưng chưa đáp ứng được Số Tiền Tự Trả Tối Đa, quý vị sẽ phải thanh toán một khoản đồng thanh toán cho các loại thuốc được chỉ định đồng thanh toán theo SBC của quý vị và khoản đồng bảo hiểm cho các loại thuốc được chỉ định đồng bảo hiểm theo SBC của quý vị. Thông thường, quý vị sẽ thanh toán một (1) khoản đồng thanh toán cho mỗi lượng thuốc đủ dùng trong 30 ngày. Hai khoản đồng thanh toán sẽ được tính cho lượng thuốc đủ dùng trong 2 tháng, và ba khoản đồng thanh toán sẽ được tính cho lượng thuốc đủ dùng trong 3 tháng.
- e. Để xác định chi phí cho thuốc/sản phẩm đồng bảo hiểm, vui lòng sử dụng công cụ tìm kiếm thuốc trực tuyến của chúng tôi. Vui lòng xem mục: “HƯỚNG DẪN TÌM THÔNG TIN VỀ CHI PHÍ CỦA THUỐC THEO TOA” ở trên.

Xin lưu ý rằng yêu cầu bảo hiểm nhà thuốc sẽ chỉ được xử lý nếu quý vị xuất trình toa thuốc của mình cho nhà thuốc trong hệ thống. Các yêu cầu bảo hiểm ngoài hệ thống sẽ không được đài thọ. Để tìm một nhà thuốc trong hệ thống gần quý vị, vui lòng tham khảo công cụ Tìm Nhà Cung Cấp trên trang web của chúng tôi trong mục Tài Nguyên Nhà Thuốc.

Phần chi phí chia sẻ của quý vị cho thuốc điều trị duy trì nhận được qua hình thức Đặt Mua Qua Đường Bưu Điện hoặc tại các nhà thuốc bán lẻ tham gia mạng lưới bán lẻ cung ứng Extended Day của chúng tôi sẽ được tính dựa theo lượng thuốc đủ dùng theo ngày mà quý vị nhận được. Đối với lượng thuốc đủ dùng trong 30 ngày, quý vị sẽ phải trả một (1) khoản đồng thanh toán hoặc đồng bảo hiểm, đối với lượng thuốc đủ dùng 31-60 ngày, quý vị sẽ chịu trách nhiệm thanh toán hai (2) khoản đồng thanh toán hoặc đồng bảo hiểm, và đối với lượng thuốc đủ dùng nhiều hơn 60 ngày nhưng ít hơn 91 ngày, quý vị sẽ thanh toán ba (3) khoản đồng thanh toán hoặc đồng bảo hiểm. Một số thiết kế quyền lợi có thể cung cấp khoản đồng thanh toán hoặc đồng bảo hiểm thấp hơn cho lượng thuốc đủ dùng trong 61 ngày nhưng ít hơn 91 ngày cho hình thức Đặt Mua Qua Đường Bưu Điện. Vui lòng tham khảo Tóm Tắt Quyền Lợi và Bảo Hiểm (SBC) của quý vị để biết thêm thông tin chi tiết.

F. YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ Y TẾ

Sự Ủy Quyền Trước (PA) – Các loại thuốc có chỉ định PA trong danh mục thuốc cần có Sự Ủy Quyền Trước. Quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị phải yêu cầu sự ủy quyền từ chúng tôi để sử dụng thuốc/sản phẩm này trước khi mua thuốc/sản phẩm đó theo toa.

Phương Pháp Trị Liệu Từng Bước (ST) - Các loại thuốc có chỉ định ST trên danh mục thuốc yêu cầu quý vị phải dùng thử và không đáp ứng với các sản phẩm khác trong danh mục thuốc trước khi có thể nhận được thuốc/sản phẩm. Khi nhà cung cấp của quý vị không cảm thấy rằng việc thử dùng một sản phẩm khác là phù hợp, thì họ hoặc quý vị có thể gửi Sự Ủy Quyền Trước theo định kỳ để nhận thuốc/sản phẩm theo Phương Pháp Trị Liệu Từng Bước.

Giới Hạn Số Lượng (QL) – Các loại thuốc có chỉ định QL trên Danh Mục Thuốc là thuốc có hạn chế theo số lượng được chỉ định. Những giới hạn số lượng này dựa trên liều tối đa mà FDA chấp thuận. Nếu nhà cung cấp của quý vị muốn yêu cầu ngoại lệ đối với những giới hạn đó, họ có thể gửi yêu cầu để nhận Sự Ủy Quyền Trước. Tất cả các yêu cầu đối với ngoại lệ về giới hạn số lượng sẽ được xử lý theo chính sách về sử dụng thuốc Không Theo Hướng Dẫn Trên Nhãn của chúng tôi.

Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc – Các loại thuốc không có trong danh mục thuốc này được coi là thuốc không thuộc danh mục thuốc. Để nhận được thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị sẽ phải gửi yêu cầu thường xuyên để nhận Sự Ủy Quyền Trước. Tất cả các yêu cầu đối với Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc sẽ được xem xét theo Chính Sách về Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc của chúng tôi.

DANH MỤC THUỐC TIÊU CHUẨN

Danh Mục Thuốc Ambetter from Superior Healthplan, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược và nên được coi là điều trị bước một. FDA yêu cầu thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc theo toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng xuất hiện trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường. Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng cho mục đích phòng ngừa và được Đạo luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1a**- Khoản đồng thanh toán thấp nhất dành cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1b**- Khoản đồng thanh toán thấp nhất dành cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị cho cùng bệnh trạng.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ các loại thuốc biệt dược và thuốc gốc không ưu tiên có chi phí cao hơn. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc thuốc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Pharmacy Services sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết đối với các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn về Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và dạng không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu “**Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày**” cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong khoảng thời gian 28 ngày bất kỳ và tối đa tổng lượng thuốc đủ dùng trong 28 ngày không liên tục trong khoảng thời gian 90 ngày bất kỳ. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine sulfate TABS</i>	3	PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG</i>	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
VYVANSE CAPS	3	QL(1 ea daily); ST
Anorexiants Non-Amphetamine		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
Anti-Obesity Agents		
CONTRAVE	3	QL(4 ea daily); PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)		
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 ea daily); PA
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 ea daily); PA
Stimulants - Misc.		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CHEW 10 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 5 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CP24 10 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG</i>	1B	AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate PTCH</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA
AMEBICIDES		
Amebicides		
SOLOSEC	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
ARIKAYCE	4	PA
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1B	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>tobramycin NEBU 300 MG/5ML</i>	4	QL(280 ml per 56 day(s) retail; 280 ml per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RINVOQ TB24	4	QL(1 ea daily); PA	HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ 40 MG/0.8ML	4	QL(0.172 ml daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA	HADLIMA SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.086 ml daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ml daily); PA	HADLIMA SOSY 40 MG/0.8ML	4	QL(0.172 ml daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 ea daily); SP; PA	HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 ea daily); PA	HUMIRA PEN AJKT SC 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 ea daily); PA
Antirheumatic Antimetabolites			HUMIRA PEN AJKT SC 40 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.143 ea daily); PA
METHOTREXATE	4	QL(1.714 ea daily); SP; PA	HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER AJKT SC	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies			HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK AJKT SC	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER AJKT SC	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PSKT 10 MG/0.1ML, 20 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.143 ea daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT 40 MG/0.4ML	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA	Gold Compounds		
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS/UVEITIS AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	RIDAURA	3	QL(3 ea daily)
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA	Interleukin-1 Blockers		
CYLTEZO AJKT 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA	ARCALYST	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
CYLTEZO AJKT 40 MG/0.4ML	4	QL(0.072 ea daily); PA			
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML	4	QL(0.072 ea daily); PA			
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA			
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ 40 MG/0.4ML	4	QL(0.086 ml daily); PA			

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ml daily); PA
KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ml daily); PA
Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TB24 100 MG</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B	
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B	
<i>etodolac CAPS</i>	1B	
<i>etodolac TABS</i>	1B	
<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); ST
<i>flurbiprofen TABS</i>	1B	
<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML</i>	1B	RX/OTC
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A	
<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CPCR</i>	1B	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(0.667 ea daily)
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	Must try ibuprofen. ; QL(5 ea daily); ST
<i>meloxicam TABS 7.5 MG, 15 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>nabumetone</i>	1B	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA
<i>naproxen TABS</i>	1B	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1B	
<i>piroxicam CAPS</i>	1B	
<i>sulindac TABS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
OTEZLA TABS	4	QL(2 ea daily); PA
OTEZLA TBPK	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
OTEZLA TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 ea daily)
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
ENBREL MINI SOCT	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SURECLICK SOAJ	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOLN	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	QL(0.286 ml daily); SP; PA
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	QL(0.146 ml daily); PA
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Analgesic Combinations		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
Salicylates			<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ml per fill retail)
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B	
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A		<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>diflunisal TABS</i>	1B		<i>methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ml daily)
<i>salsalate</i>	1B		<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B	
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions					
Opioid Agonists					
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ml daily)
CODEINE SULFATE TABS	1B	New starts limited to 7 day supply	METHADONE HCL SOLN IJ	1B	
<i>fentanyl citrate LPOP 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 ea daily)
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 ea daily)	<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 ea daily)
			<i>morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
			<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ml daily)	<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ml daily)
<i>morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ml daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>morphine sulfate TBCR 15 MG, 30 MG, 60 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
NUCYNTA ER TB12	2	QL(2 ea daily); PA	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
NUCYNTA TABS	2	QL(6 ea daily); PA	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>oxycodone hcl TABS 5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 ea daily); PA	<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ml daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	3	QL(8 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	3	QL(4 ea daily); PA			
SUBSYS LIQD 100 MCG	3	QL(3 ea daily); PA			
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)			
<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 ea daily)			
XTAMPZA ER	2	QL(2 ea daily); PA			
Opioid Combinations					

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA
<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 ea daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>tramadol-acetaminophen</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
Opioid Partial Agonists		
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B	
<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ml daily); PA
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B	
<i>nalbuphine hcl</i>	1B	QL(8 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		
Anabolic Steroids		
<i>oxandrolone</i>	1B	
Androgens		
<i>ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR</i>	2	QL(1 ea daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1B	
<i>METHITEST TABS</i>	3	
<i>testosterone cypionate SOLN IM 100 MG/ML, 200 MG/ML</i>	1B	
<i>TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML</i>	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 gm daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
<i>UCERIS (budesonide (intrarectal))</i>	4	QL(3.2 gm daily); PA
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	RX/OTC
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
Vasodilating Agents		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>RECTIV (nitroglycerin (intra-anal))</i>	3	QL(2 gm daily)
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1B	PA
EMVERM CHEW	2	QL(2 ea daily; 6 ea per fill retail; 6 per fill mail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail; 1 max fill(s) per 60 day(s) mail
<i>ivermectin</i>	1B	QL(9 ea per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel</i>	1B	PA
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1B	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPCR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	
ANTIANGIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A	
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	QL(6 ea daily)
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B	
<i>dofetilide</i>	1B	
ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA
FASENRA SOSY 30 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
NUCALA SOAJ	4	QL(0.1073 ml daily); PA
NUCALA SOLR	4	QL(0.1073 ea daily); PA
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.0144 ml daily); PA
NUCALA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.1073 ml daily); PA
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ml daily); PA
XOLAIR SOLR	4	QL(0.286 ea daily); PA
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ml daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	QL(8 ml daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 gm daily)
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 ea daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ml daily)
SPIRIVA HANDIHALER CAPS (<i>tiotropium bromide monohydrate</i>)	2	QL(1 ea daily)
SPIRIVA RESPIMAT AERS	2	QL(0.14 gm daily)
<i>tiotropium bromide monohydrate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Leukotriene Modulators		
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>zafirlukast</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>zileuton TB12</i>	1B	QL(4 ea daily)
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>roflumilast</i>	3	QL(1 ea daily)
Steroid Inhalants		
ALVESCO	3	PA
ARNUITY ELLIPTA	2	
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	QL(4 ml daily); PA
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B	
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	QL(0.8 gm daily)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	
QVAR REDIHALER	2	
Sympathomimetics		
AIRDUO DIGIHALER 113/14	3	
AIRDUO DIGIHALER 232/14	3	

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AIRDUO DIGIHALER 55/14	3	
AIRSUPRA	3	
<i>albuterol sulfate</i> AERS	1B	
<i>albuterol sulfate</i> NEBU 0.083 %, 0.5 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML, 2.5 MG/0.5ML	1B	
<i>albuterol sulfate</i> SYRP	1B	
<i>albuterol sulfate</i> TABS	1B	
ANORO ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ml daily)
BREO ELLIPTA	2	
BREO ELLIPTA (<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>)	2	
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 gm daily)
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B	
DULERA	2	
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B	
<i>fluticasone-salmeterol</i> AEPB	1B	
<i>fluticasone-salmeterol</i> AERO	1B	
<i>formoterol fumarate</i> NEBU	1B	QL(4 ml daily)
<i>ipratropium-albuterol</i> SOLN	1B	QL(18 ml daily)
<i>levalbuterol hcl</i>	1B	
<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	QL(0.5 gm daily)
PROAIR DIGIHALER	3	
PROAIR RESPICLICK AEPB	3	
SEREVENT DISKUS	2	
STIOLTO RESPIMAT	2	
STRIVERDI RESPIMAT	2	
<i>terbutaline sulfate</i> SOLN	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>terbutaline sulfate</i> TABS	1B	
TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
Xanthines		
<i>aminophylline</i> SOLN	1B	
<i>theophylline</i> ELIX	1B	
<i>theophylline</i> SOLN	1B	QL(56 ml daily)
<i>theophylline</i> TB12	1B	
<i>theophylline</i> TB24	1B	
ANTICOAGULANTS - Blood Thinners		
Coumarin Anticoagulants		
<i>warfarin sodium</i> TABS	1B	
Direct Factor Xa Inhibitors		
ELIQUIS STARTER PACK TBPK	2	QL(2.47 ea daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ELIQUIS TABS	2	QL(2 ea daily)
XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
XARELTO SUSR	2	QL(900 ml per 30 day(s) retail; 900 ml per 30 days mail)
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 ea daily)
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 ea daily)
Heparins And Heparinoid-Like Agents		
<i>enoxaparin sodium</i> SOLN IJ 300 MG/3ML	4	QL(6 ml daily)
<i>enoxaparin sodium</i> SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	4	QL(2 ml daily)
<i>enoxaparin sodium</i> SOSY 60 MG/0.6ML	4	QL(1.2 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium</i> SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	4	QL(1.6 ml daily)
<i>enoxaparin sodium</i> SOSY 30 MG/0.3ML	4	QL(0.6 ml daily); SP

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ml per 180 day(s) retail; 4 ml per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ml per 180 day(s) retail; 4 ml per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ml per 180 day(s) retail; 7 ml per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ml per 180 day(s) retail; 5 ml per 180 days mail); SP
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B	
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B	
Thrombin Inhibitors		
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1B	
ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures		
AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
FYCOMPA TABS 4 MG	3	QL(3 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 6 MG	3	QL(2 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	3	QL(1 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 2 MG	3	QL(6 ea daily); PA
Anticonvulsants - Benzodiazepines		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ml daily); PA
<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>clonazepam TABS</i>	1A	
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail
NAYZILAM	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
Anticonvulsants - Misc.		
APTIOM	3	QL(2 ea daily); ST
BANZEL TABS 400 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(8 ea daily); PA
BANZEL TABS 200 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(2 ea daily); PA
BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	3	QL(20 ml daily); PA
BRIVIACT TABS	3	QL(2 ea daily); PA
<i>carbamazepine CHEW</i>	1B	
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1B	
<i>carbamazepine SUSP</i>	1B	
<i>carbamazepine TABS</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA
DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA
DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA
DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA
EPIDIOLEX	3	PA
<i>gabapentin CAPS</i>	1B	
<i>gabapentin SOLN</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1B	
<i>lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>lacosamide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1B	QL(100 ea daily)
<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1B	QL(20 ea daily)
<i>lamotrigine TABS</i>	1B	
<i>lamotrigine TBDP</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>levetiracetam TB24</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ml daily); PA
<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ml daily); PA
<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1B	QL(8 ea daily); PA
TEGRETOL SUSP (<i>carbamazepine</i>)	2	
TEGRETOL TABS (<i>carbamazepine</i>)	2	
<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>topiramate CS24</i>	3	PA
<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
Carbamates		
<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
GABA Modulators		
<i>tiagabine hcl</i>	1B	
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
Hydantoins		
DILANTIN (<i>phenytoin sodium extended</i>)	2	
DILANTIN	2	
DILANTIN INFATABS CHEW (<i>phenytoin</i>)	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DILANTIN-125 SUSP (phenytoin)	2	
fosphenytoin sodium	1B	
phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG	1B	
phenytoin sodium SOLN	1B	
phenytoin CHEW	1B	
phenytoin SUSP	1B	
Succinimides		
CELONTIN (methsuximide)	3	QL(4 ea daily)
ethosuximide CAPS	1B	QL(6 ea daily)
ethosuximide SOLN	1B	QL(30 ml daily)
methsuximide	1B	QL(4 ea daily)
ZARONTIN CAPS (ethosuximide)	2	QL(6 ea daily)
Valproic Acid		
divalproex sodium TB24	1B	
divalproex sodium TBEC	1B	
valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML, 500 MG/10ML	1B	
valproic acid CAPS	1B	
ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression		
Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
mirtazapine TABS 15 MG	1B	QL(3 ea daily)
mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG	1B	QL(1 ea daily)
mirtazapine TABS 30 MG	1B	QL(1.5 ea daily)
mirtazapine TBDP 45 MG	1B	QL(1 ea daily)
mirtazapine TBDP 15 MG	1B	QL(3 ea daily)
mirtazapine TBDP 30 MG	1B	QL(1.5 ea daily)
Antidepressants - Misc.		
bupropion hcl TABS 75 MG, 100 MG	1B	QL(3 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
bupropion hcl TB12 150 MG	1B	QL(3 ea daily)
bupropion hcl TB12 100 MG	1B	QL(4 ea daily)
bupropion hcl TB12 200 MG	1B	QL(2 ea daily)
bupropion hcl TB24 300 MG	1B	QL(1 ea daily)
bupropion hcl TB24 150 MG	1B	QL(3 ea daily)
Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
EMSAM	3	QL(1 ea daily)
MARPLAN	2	QL(6 ea daily)
phenelzine sulfate	1B	
tranylcypromine sulfate	1B	
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists		
SPRAVATO 56MG DOSE	4	PA
SPRAVATO 84MG DOSE	4	PA
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)		
citalopram hydrobromide SOLN	1B	QL(20 ml daily)
citalopram hydrobromide TABS 10 MG	1B	QL(4 ea daily)
citalopram hydrobromide TABS 20 MG	1B	QL(2 ea daily)
citalopram hydrobromide TABS 40 MG	1B	QL(1 ea daily)
escitalopram oxalate SOLN	1B	QL(20 ml daily)
escitalopram oxalate TABS 10 MG	1B	QL(2 ea daily)
escitalopram oxalate TABS 20 MG	1B	QL(1 ea daily)
escitalopram oxalate TABS 5 MG	1B	QL(4 ea daily)
fluoxetine hcl CAPS 20 MG	1B	QL(3 ea daily)

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluoxetine hcl CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CAPS 10 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)	Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1B		<i>desvenlafaxine succinate 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>duloxetine hcl CPEP 40 MG</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	FETZIMA TITRATION PACK C4PK	3	PA
<i>fluvoxamine maleate TABS 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	FETZIMA CP24	3	QL(1 ea daily); PA
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 37.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 75 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>venlafaxine hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl TB24 12.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	Tricyclic Agents		
<i>sertraline hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)	<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1B	
<i>sertraline hcl TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>amoxapine</i>	1B	
<i>sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>clomipramine hcl</i>	1B	
Serotonin Modulators			<i>desipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>nefazodone hcl</i>	1B		<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B	
<i>trazodone hcl TABS</i>	1B		<i>doxepin hcl CONC</i>	1B	
TRINTELLIX	3	QL(1 ea daily); PA	<i>imipramine hcl TABS</i>	1B	
VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail	<i>imipramine pamoate</i>	1B	
			<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B	
			<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B	
			<i>protriptyline hcl</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B		<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar			<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Alpha-Glucosidase Inhibitors			SOLQUA 100/33	2	QL(0.5 ml daily); PA
<i>acarbose</i>	1B	QL(3 ea daily)	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>miglitol</i>	1B	QL(3 ea daily)	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
Antidiabetic Combinations			SYNJARDY TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(1 ea daily)
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 ea daily)	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 ea daily)	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 ea daily)
<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(2 ea daily)
<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	XULTOPHY 100/3.6	2	QL(0.5 ml daily); PA
<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	Biguanides		
<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 ea daily)
GLYXAMBI	2	QL(1 ea daily)	<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 ea daily)	<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1B	QL(2.5 ea daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 ea daily)	<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
JANUMET TABS	2	QL(2 ea daily)			
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)			

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
Diabetic Other		
<i>diazoxide</i>	3	
<i>glucagon (rdna)</i>	1B	QL(0.035 ea daily)
Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 ea daily)
JANUVIA	2	QL(1 ea daily)
<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
Incretin Mimetic Agents		
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	2	QL(0.054 ml daily); PA
OZEMPIC SOPN 2 MG/3ML, 4 MG/3ML, 8 MG/3ML	2	QL(0.108 ml daily); PA
RYBELSUS TABS	2	QL(1 ea daily); PA
TRULICITY SC	2	QL(0.143 ml daily); PA
VICTOZA (<i>liraglutide</i>)	2	QL(0.3 ml daily); PA
Insulin		
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
APIDRA SOLN	3	PA
BASAGLAR KWIKPEN SOPN	2	
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ml daily)
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ml daily)
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1B	
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1B	
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	1B	
INSULIN ASPART SOLN IJ	1B	
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2	
INSULIN DEGLUDEC SOLN	2	
LEVEMIR FLEXPEN SOPN 100 UNIT/ML	3	PA
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	3	PA
LEVEMIR SOLN	3	PA
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN N SUSP	2	
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
NOVOLIN R SOLN IJ	2	
Insulin Sensitizing Agents		
<i>pioglitazone hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
Meglitinide Analogues		
<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
<i>dapagliflozin propanediol</i>	2	QL(1 ea daily)
FARXIGA	2	QL(1 ea daily)
FARXIGA (<i>dapagliflozin propanediol</i>)	2	QL(1 ea daily)
JARDIANCE	2	QL(1 ea daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>glimepiride 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TB24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glyburide TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)

ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea

Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS 2 MG</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	

ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS

Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
<i>deferiprone TABS 500 MG</i>	1B	

Antidotes and Specific Antagonists

VISTOGARD	4	PA
-----------	---	----

Opioid Antagonists

<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	QL(2 ea per fill retail); 2 max fill(s) per 30 day(s) retail; RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1B	
<i>naltrexone hcl</i>	1B	

ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 ea daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	
<i>ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ml daily)
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 ea daily; 60 ea per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily; 45 ea per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
Antiemetics - Miscellaneous		
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	QL(4 ea daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 ea daily)
<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 ea daily)
<i>aprepitant MISC</i>	1B	PA
VARUBI TBPk	3	PA
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors		
<i>caspofungin acetate</i>	1B	
ERAXIS	3	
<i>micafungin sodium</i>	1B	PA
Antifungals		
ABELCET	3	
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>amphotericin b liposome</i>	3	
<i>flucytosine</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B	
<i>nystatin TABS</i>	1B	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Imidazole-Related Antifungals		
CRESEMBA CAPS OR 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSP</i>	1B	
<i>fluconazole TABS</i>	1B	
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily); PA
<i>ketoconazole</i>	1B	
NOXAFIL SUSP (<i>posaconazole</i>)	3	QL(20 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>posaconazole SUSP</i>	1B	QL(20 ml daily)
TOLSURA CAPS	4	PA
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies		
Antihistamines - Alkylamines		
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1B	
Antihistamines - Ethanolamines		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B	
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B	
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A	
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
Antihistamines - Non-Sedating		
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>loratadine CAPS</i>	1B	
<i>loratadine CHEW</i>	1B	
<i>loratadine SOLN</i>	1B	
<i>loratadine TABS</i>	1A	
<i>loratadine TBDP</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
QUZYTIR SOLN IV	3	PA
Antihistamines - Phenothiazines		
<i>promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B	
<i>promethazine hcl TABS</i>	1B	
Antihistamines - Piperidines		
<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1B	
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1B	
ANTIHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol		
Antihyperlipidemics - Combinations		
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antihyperlipidemics - Misc.		
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	QL(4 ea daily)
Bile Acid Sequestrants		
<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 gm daily)
<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 gm daily)
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 ea daily)
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 ea daily)
Fibric Acid Derivatives		
<i>choline fenofibrate</i>	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 ea daily); PV
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 ea daily); PV
<i>pravastatin sodium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe</i>	1B	QL(1 ea daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ml daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ml daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ml daily); PA

ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl 5 MG, 10 MG, 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>enalapril maleate TABS</i>	1B	
<i>fosinopril sodium</i>	1B	
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>ramipril CAPS</i>	1B	
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Agents for Pheochromocytoma		
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
Angiotensin II Receptor Antagonists		
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 ea daily)
EDARBI	3	QL(1 ea daily); ST
<i>irbesartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>losartan potassium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>valsartan TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antiadrenergic Antihypertensives		
<i>clonidine</i>	3	QL(0.15 ea daily)
<i>clonidine hcl TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>doxazosin mesylate</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>guanfacine hcl</i>	1B	
<i>methyldopa TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>terazosin hcl</i>	1B	
Antihypertensive Combinations		
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B	
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3	
<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1B	
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B	
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B	
<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B	
<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antihypertensives - Misc.		
VECAMYL	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>eplerenone</i>	1B	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B	
<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>bacitracin</i>	3	
IMPAVIDO	3	QL(3 ea daily); PA
<i>metronidazole TABS</i>	1B	
<i>trimethoprim TABS</i>	1B	
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 ea daily); 9 ea per 3 day(s) retail; 9 ea per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1B	
<i>meropenem</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily; 40 ea per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ml per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	1B	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
Monobactams		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B	
CAYSTON	4	QL(3 ml daily); PA
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
Polymyxins		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomicin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nitrofurantoin monohyd macro 100 MG</i>	1B	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 ea per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
Antimalarials		
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	
<i>hydroxychloroquine sulfate 400 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydroxychloroquine sulfate 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 ea per 30 day(s) retail)
<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(5 ea daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 ea daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		
Antimyasthenic/Cholinergic Agents		
FIRDAPSE	4	PA
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN OR</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B	
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		
Antimycobacterial Agents		
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B	
<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
<i>isoniazid SYRP</i>	1B	
<i>isoniazid TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PASER PACK	3	QL(3 ea daily)
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1B	
<i>rifabutin</i>	1B	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B	
<i>rifampin SOLR</i>	1B	
SIRTURO	3	PA
TRECTOR	3	QL(4 ea daily)
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer		
Alkylating Agents		
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	SP; PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	4	PA
GLEOSTINE 10 MG	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA
LEUKERAN	4	SP; PA
<i>melphalan</i>	1B	
<i>melphalan hcl IV</i>	1B	
MYLERAN TABS	4	SP; PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA
TEMODAR SOLR	4	
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA
ZANOSAR	4	SP; PA

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antimetabolites			LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA	LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA	LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA	LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>cytarabine SOLN</i>	4	SP; PA	MVASI	4	PA
<i>decitabine</i>	4	SP; PA	ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA	ZIRABEV	4	PA
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA	Antineoplastic - Antibodies		
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA	ADCETRIS	4	SP; PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA	ARZERRA	4	SP; PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA	RUXIENCE	4	PA
<i>mercaptopurine TABS</i>	1B		TRUXIMA	4	PA
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B		YERVOY	4	SP; PA
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP	Antineoplastic - Anti-HER2 Agents		
<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP	KANJINTI	4	PA
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA	OGIVRI	4	PA
<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA	PERJETA	4	SP; PA
<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA	TRAZIMERA	4	PA
TABLOID	4	SP; PA	TUKYSA	4	PA
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA	Antineoplastic - EGFR Inhibitors		
Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors			ERBITUX	4	SP; PA
INLYTA	4	QL(2 ea daily); SP; PA	<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA	<i>gefitinib</i>	4	QL(2 ea daily); PA
LENVIMA 12MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA	GILOTRIF	4	QL(1 ea daily); PA
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA	IRESSA (<i>gefitinib</i>)	4	QL(2 ea daily); PA
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA	TAGRISO 80 MG	4	QL(1 ea daily); PA
			TAGRISO 40 MG	4	QL(2 ea daily); PA
			VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA
			VIZIMPRO	4	QL(1 ea daily); PA

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors		
DAURISMO	4	PA
ERIVEDGE	4	QL(1 ea daily); SP; PA
ODOMZO	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - Hormonal and Related Agents		
<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>bicalutamide</i>	1B	QL(1 ea daily); SP
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
EMCYT	4	SP; PA
ERLEADA 60 MG	4	QL(4 ea daily); PA
ERLEADA 240 MG	4	QL(1 ea daily); PA
<i>exemestane</i>	4	QL(1 ea daily); SP
FIRMAGON 80 MG, 120 MG/VIAL	4	QL(0.143 ea daily); SP; PA
<i>flutamide</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ml daily); SP; PA
<i>letrozole</i>	1B	
<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0358 ea daily); SP; PA
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 ea daily); SP; PA
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
LYSODREN	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B	
<i>megestrol acetate TABS</i>	1B	
<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 ea daily)
NUBEQA	4	QL(4 ea daily); PA
<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
<i>toremifene citrate</i>	1B	
TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
XTANDI CAPS	4	QL(4 ea daily); SP; PA
XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 ea daily); PA
XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 ea daily); PA
YONSA	4	QL(4 ea daily); PA
ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 ea daily); SP; PA
Antineoplastic - Immunomodulators		
POMALYST	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors		
AYVAKIT	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - XPO1 Inhibitors		
XPOVIO	4	PA
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY	4	PA
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	4	PA
Antineoplastic Antibiotics		
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl liposomal IV</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	COMETRIQ KIT	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA	COMETRIQ KIT	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA	COPIKTRA	4	PA
<i>mitoxantrone hcl 2 MG/ML</i>	4	SP; PA	<i>dasatinib</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA	<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
Antineoplastic Combinations			IBRANCE CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 200 DOSE	4	PA	IBRANCE TABS	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 400 DOSE	4	PA	ICLUSIG	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 600 DOSE	4	PA	<i>imatinib mesylate</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors			IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 ea daily); PA
ALECENSA	4	QL(4 ea daily); PA	IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 ea daily); PA
ALUNBRIG TABS	4	QL(1 ea daily); PA	IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ml daily); PA
ALUNBRIG TBPk	4	QL(1 ea daily); PA	IMBRUVICA TABS	4	QL(1 ea daily); PA
BALVERSA	4	PA	INREBIC	4	PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA	JAKAFI	4	QL(2 ea daily); SP; PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA	KISQALI	4	PA
BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA	KOSELUGO	4	PA
BOSULIF TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); PA	KYPROLIS	4	PA
BRAFTOVI 75 MG	4	SP; PA	<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
BRUKINSA	4	PA	LORBRENA	4	QL(1 ea daily); PA
CABOMETYX TABS	4	QL(1 ea daily); PA	LYNPARZA TABS	4	QL(4 ea daily); PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA	MEKINIST SOLR	4	PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA	MEKINIST TABS	4	PA
CAPRELSA	4	QL(1 ea daily); SP; PA	MEKTOVI	4	SP; PA
COMETRIQ KIT	4	QL(2 ea daily); SP; PA	NINLARO	4	QL(0.143 ea daily); PA
			<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
			PEMAZYRE	4	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PIQRAY 200MG DAILY DOSE	4	PA	VITRAKVI SOLN	4	PA
PIQRAY 250MG DAILY DOSE	4	PA	VOTRIENT (<i>pazopanib hcl</i>)	4	QL(4 ea daily); SP; PA
PIQRAY 300MG DAILY DOSE	4	PA	XALKORI CAPS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
QINLOCK	4	PA	XOSPATA	4	PA
RETEVMO CAPS	4	PA	ZEJULA CAPS	4	QL(3 ea daily); PA
<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA	ZEJULA TABS 100 MG	4	QL(3 ea daily); PA
ROZLYTREK CAPS	4	PA	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	4	QL(1 ea daily); PA
RUBRACA	4	QL(4 ea daily); PA	ZELBORAF	4	SP; PA
SCSEMBLIX 40 MG	4	QL(10 ea daily); PA	ZOLINZA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
SCSEMBLIX 100 MG	4	QL(4 ea daily); PA	ZYDELIG	4	QL(2 ea daily); PA
SCSEMBLIX 20 MG	4	QL(2 ea daily); PA	Antineoplastic Enzymes		
<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	ONCASPAR	4	SP; PA
SPRYCEL (<i>dasatinib</i>)	4	QL(1 ea daily); SP; PA	Antineoplastics Misc.		
STIVARGA	4	QL(4 ea daily); SP; PA	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	4	SP; PA
<i>sunitinib malate 37.5 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA	<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>bexarotene</i>	4	SP; PA
TABRECTA	4	PA	<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA
TAFINLAR CAPS	4	PA	<i>hydroxyurea</i>	1B	
TAFINLAR TBSO	4	PA	MATULANE	4	SP; PA
TALZENNA	4	QL(1 ea daily); PA	NIPENT	4	SP; PA
TASIGNA 50 MG	4	QL(4 ea daily); PA	PHOTOFRIN	4	SP; PA
TASIGNA 150 MG, 200 MG	4	QL(4 ea daily); SP; PA	PROLEUKIN	4	SP; PA
TAZVERIK	4	PA	SYNRIBO	4	SP; PA
<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ml daily); SP; PA	<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B	
TIBSOVO	4	PA	UVADEX	4	SP; PA
TURALIO	4	PA	Chemotherapy Adjuncts		
VERZENIO	4	PA	KEPIVANCE 6.25 MG	4	SP; PA
VITRAKVI CAPS	4	PA	Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
			<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	
VORAXAZE	4	SP; PA
Mitotic Inhibitors		
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA
<i>eribulin mesylate</i>	4	SP; PA
ETOPOPHOS	4	SP; PA
<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	PA
HALAVEN (<i>eribulin mesylate</i>)	4	SP; PA
IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
JEVTANA	4	SP; PA
<i>paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA
<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA
Topoisomerase I Inhibitors		
HYCAMTIN CAPS	4	SP; PA
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>topotecan hcl SOLN</i>	4	
<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease		
Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>carbidopa</i>	1B	
Antiparkinson Anticholinergics		
<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>benztropine mesylate TABS</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1B	
Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>entacapone</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>tolcapone</i>	1B	
Antiparkinson Dopaminergics		
<i>amantadine hcl CAPS</i>	1B	
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B	
<i>amantadine hcl TABS</i>	1B	
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1B	
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B	
NEUPRO	2	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); ST
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B	
<i>selegiline hcl TABS</i>	1B	
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders		
Antimanic Agents		
<i>lithium</i>	1B	
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TABS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1B	
Antipsychotics - Misc.		
EQUETRO 300 MG	3	QL(4 ea daily); ST
EQUETRO 100 MG	3	QL(2 ea daily); ST
EQUETRO 200 MG	3	QL(8 ea daily); ST
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
Benzisoxazoles		
FANAPT	2	QL(2 ea daily); PA
FANAPT TITRATION PACK	2	PA
<i>paliperidone 6 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 ea daily); PA
RISPERDAL CONSTA (<i>risperidone microspheres</i>)	2	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone SOLN</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>risperidone TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>risperidone TBDP</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Butyrophenones		
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ml daily)
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B	
<i>haloperidol TABS</i>	1B	
Dibenzapines		
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>clozapine TABS</i>	1B	
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>loxapine succinate</i>	1B	
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 ea daily)
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Phenothiazines		
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B		<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B		<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1B		<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>perphenazine TABS</i>	1B		<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>prochlorperazine</i>	1B		<i>emtricitabine CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B		<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>thioridazine hcl</i>	1B		<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B		EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ml daily)
Quinolinone Derivatives			<i>etravirine 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>aripiprazole SOLN OR</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>etravirine 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	EVOTAZ	3	QL(1 ea daily)
REXULTI	3	PA	<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
Thioxanthenes			FUZEON SOLR	4	SP; PA
<i>thiothixene</i>	1B		GENVOYA	3	QL(1 ea daily)
ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections			INTELENCE 25 MG	3	QL(8 ea daily)
Antiretrovirals			ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 ea daily)
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 ea daily)	ISENTRESS CHEW	3	QL(6 ea daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ml daily)	ISENTRESS TABS	3	QL(2 ea daily)
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	JULUCA	3	QL(1 ea daily)
APTIVUS CAPS	3	QL(4 ea daily)	<i>lamivudine SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
BIKTARVY	3	QL(1 ea daily)	<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	QL(2 ea daily)
CIMDUO	3	QL(1 ea daily); ST	LEXIVA SUSP	3	QL(56 ml daily)
COMPLERA	3	QL(1 ea daily)	<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ml daily)
<i>darunavir TABS</i>	1B		<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
DELSTRIGO	3	QL(1 ea daily)	<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
DOVATO	3	QL(1 ea daily)	<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
EDURANT	3	QL(1 ea daily)	<i>nevirapine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)			

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nevirapine TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>nevirapine TB24 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
NORVIR CAPS	2	QL(12 ea daily)
NORVIR PACK	3	QL(12 ea daily)
NORVIR SOLN	3	QL(15 ml daily)
ODEFSEY	3	QL(1 ea daily)
PIFELTRO	3	QL(1 ea daily)
PREZCOBIX	3	QL(1 ea daily)
PREZISTA SUSP	3	QL(12 ml daily)
PREZISTA TABS (<i>darunavir</i>)	3	
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	3	QL(2 ea daily)
RETROVIR IV INFUSION SOLN	3	
<i>ritonavir TABS</i>	1B	QL(12 ea daily)
RUKOBIA	4	PA
SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ml daily)
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 ea daily)
<i>stavudine CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
STRIBILD	3	QL(1 ea daily)
<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1B	
TIVICAY TABS	3	QL(2 ea daily)
TRIUMEQ TABS	3	QL(1 ea daily)
TRIZIVIR	3	QL(2 ea daily)
TYBOST	3	QL(1 ea daily)
VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 ea daily)
VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 ea daily)
VIREAD POWD	3	QL(7.5 gm daily)
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 ea daily)
<i>zidovudine CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>zidovudine SYRP</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>zidovudine TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
CMV Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cidofovir</i>	3	
<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B	
<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
Hepatitis Agents		
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 ea daily); SP
BARACLUDE SOLN	4	QL(20 ml daily); SP; PA
<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP
EPIVIR HBV SOLN	4	QL(60 ml daily); SP; PA
<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1B	QL(3 ea daily); SP
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1B	QL(7 ea daily)
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1B	QL(7 ea daily)
SOFOSBUVIR/VELPATA SVIR TABS	1B	QL(1 ea daily); PA
SOVALDI TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA
SOVALDI TABS 200 MG	4	QL(1 ea daily); PA
VOSEVI	4	QL(1 ea daily); PA
Herpes Agents		
<i>acyclovir CAPS</i>	1A	QL(5 ea daily; 50 ea per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir SUSP</i>	1B	QL(13.34 ml daily)
<i>acyclovir TABS OR</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>famciclovir 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Influenza Agents		
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(125 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail
RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Alpha-Beta Blockers		
<i>carvedilol 3.125 MG, 6.25 MG, 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B	
<i>atenolol TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>betaxolol hcl</i>	1B	
<i>bisoprolol fumarate</i>	1B	
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 ea daily)
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
Beta Blockers Non-Selective		
HEMANGEOL SOLN OR	4	QL(75 ml daily); PA
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B	
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>pindolol TABS</i>	1B	
<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1B	
<i>sotalol hcl (afib/af)</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B	
<i>timolol maleate TABS</i>	1B	
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Calcium Channel Blockers		
<i>amlodipine besylate TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl extended release beads</i>	1B	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B	
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B	
DILTIAZEM HCL SOLR	1B	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B	
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B	
<i>felodipine</i>	1B	
<i>isradipine CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B	
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>nifedipine TB24 30 MG, 60 MG, 90 MG</i>	1B	
<i>nimodipine CAPS</i>	1B	
<i>nisoldipine</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1B	
<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	
CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
LANOXIN SOLN IJ (<i>digoxin</i>)	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (<i>digoxin</i>)	2	
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
Impotence Agents		
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 ea daily); PA
STENDRA	3	QL(0.134 ea daily)
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 ea daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
OPSUMIT	4	QL(1 ea daily); PA
TRACLEER TBSO	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ml daily); SP; PA	<i>cefadroxil CAPS</i>	1B	
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ml daily); PA	<i>cefadroxil SUSR</i>	1B	
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA	<i>cefadroxil TABS</i>	1B	
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA	<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B	
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist			Cephalosporins - 2nd Generation		
UPTRAVI TITRATION PACK TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA	<i>cefaclor CAPS</i>	1B	
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 ea daily); PA	<i>cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML</i>	1B	
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA	<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator			<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B	
ADEMPAS	4	QL(3 ea daily); PA	<i>cefprozil SUSR</i>	1B	
Sinus Node Inhibitors			<i>cefprozil TABS</i>	1B	
CORLANOR SOLN	3	QL(15 ml daily); PA	<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B	
CORLANOR TABS (<i>ivabradine hcl</i>)	3	QL(2 ea daily); PA	<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B	
<i>ivabradine hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	Cephalosporins - 3rd Generation		
Transthyretin Stabilizers			<i>cefdinir CAPS</i>	1B	
VYNDAMAX	4	QL(1 ea daily); PA	<i>cefdinir SUSR</i>	1B	
VYNDAQEL	4	QL(4 ea daily); PA	<i>cefixime CAPS</i>	1B	
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections			<i>cefixime SUSR</i>	1B	ST
Cephalosporins - 1st Generation			<i>cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
			<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1B	
			<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1B	
			<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B	
			<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG</i>	1B	
			<i>ceftriaxone sodium IJ 250 MG</i>	1A	

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Cephalosporins - 4th Generation			<i>norethin acet & estrad-fe CHEW</i>	0	
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B		<i>norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	
Cephalosporins - 5th Generation			<i>norethindrone & eth estradiol</i>	0	
TEFLARO	3		<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe</i>	0	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy					
Combination Contraceptives - Oral			<i>norethindrone acet & eth estra TABS</i>	0	
BALCOLTRA (<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>)	0		<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>desogestrel & ethinyl estradiol</i>	0		<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0		<i>norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0		TYBLUME CHEW	0	
<i>ethynodiol diacet & eth estrad</i>	0		Combination Contraceptives - Transdermal		
<i>levonorgestrel & eth estradiol TABS</i>	0		<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0		TWIRLA	0	QL(3 ea per 28 day(s) retail; 9 ea per 84 days mail)
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0		Combination Contraceptives - Vaginal		
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0		ANNOVERA	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0		<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 ea daily)
LO LOESTRIN FE TABS	0		Copper Contraceptives - IUD		
NATAZIA	0		PARAGARD INTRAUTERINE COPPER CONTRACEPTIVE T380A	0	
NEXTSTELLIS	0		Emergency Contraceptives		
<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0		ELLA	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0	
Progestin Contraceptives - Implants		
NEXPLANON	0	
Progestin Contraceptives - Injectable		
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ml per 90 day(s) retail)
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ml per 90 day(s) retail)
Progestin Contraceptives - IUD		
KYLEENA	0	
LILETTA 20.1 MCG/DAY	0	
MIRENA 20 MCG/DAY	0	
SKYLA	0	
Progestin Contraceptives - Oral		
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0	
OPILL	0	
SLYND	0	QL(1 ea daily)
CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions		
Glucocorticosteroids		
<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>deflazacort SUSP</i>	4	PA
<i>deflazacort TABS</i>	4	PA
DEPO-MEDROL SUSP	3	
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B	
<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML</i>	1B	
<i>dexamethasone ELIX</i>	1B	
<i>dexamethasone SOLN</i>	1B	
<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	
<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A	
EMFLAZA SUSP (<i>deflazacort</i>)	4	PA
EMFLAZA TABS (<i>deflazacort</i>)	4	PA
<i>hydrocortisone sod succinate 100 MG</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>hydrocortisone TABS</i>	1B	
MEDROL TABS	3	
<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B	
<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
<i>methylprednisolone TABS</i>	1B	
<i>methylprednisolone TBPK 4 MG</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate TBDP</i>	3	
<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
<i>prednisolone TABS</i>	1B	
<i>prednisone SOLN</i>	1B	
<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>prednisone TBPK</i>	1B	
SOLU-CORTEF 250 MG	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
SOLU-MEDROL 2 GM	3	
<i>triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML</i>	1B	
Mineralocorticoids		
<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1B	
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		
Antitussives		
<i>benzonatate 100 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>benzonatate 150 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>benzonatate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
Cough/Cold/Allergy Combinations		
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1B	
TUZISTRA XR	2	PA
Misc. Respiratory Inhalants		
HYPERSAL NEBU	1B	
NEBUSAL NEBU	1B	
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1B	
Mucolytics		
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1B	
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions		
Acne Products		
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene CREA</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST; RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AZELEX	3	QL(50 gm per 30 day(s) retail; 50 gm per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 gm daily)
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); ST

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
Agents for External Genital and Perianal Warts		
VEREGEN	3	QL(1 gm daily)
Antibiotics - Topical		
ALTABAX	2	QL(15 gm per 30 day(s) retail; 15 gm per 30 days mail)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B	
<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NEO-SYNALAR	3	QL(60 gm per 30 day(s) retail; 60 gm per 30 days mail); PA
Antifungals - Topical		
<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 gm daily); RX/OTC
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	QL(90 gm per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B	
<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 gm daily)
<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ml daily)
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 gm daily); RX/OTC
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 gm daily)
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B	
<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 gm per fill retail; 85 per fill mail)
ERTACZO	3	QL(2.15 gm daily)
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>luliconazole</i>	1B	PA
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	QL(2 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); PA
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)	<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)	<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 gm daily)	PANRETIN	3	QL(60 gm per 30 day(s) retail; 60 gm per 30 days mail)
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)	Antipruritics - Topical		
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; QL(45 gm per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	Antipsoriatics		
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ml daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B		<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 gm daily); PA
<i>tavaborole</i>	1B	PA	<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 gm daily); PA
Anti-inflammatory Agents - Topical			<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); PA
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 gm daily)
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); RX/OTC	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical			COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ml daily); PA
			COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
			COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.072 ml daily); PA
			<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 ea daily)

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ml daily); PA	<i>amcinonide CREA</i>	1B	QL(60 gm per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
SKYRIZI PSKT	4	QL(0.025 ea daily); PA			
SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ml daily); PA			
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA			
STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); SP; PA	<i>amcinonide LOTN</i>	3	
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA	<i>amcinonide OINT</i>	3	
<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1B	QL(1 gm daily)	<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
TREMFYA SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B	
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT 0.05 %</i>	1B	QL(3 gm daily)
Antiseborrheic Products			<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B		<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)
Antivirals - Topical			<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail	<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 gm daily)
<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail	<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 gm daily)
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 gm daily)	<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)
Burn Products			<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>mafenide acetate PACK</i>	3		<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST
<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 gm daily)	<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST
SULFAMYLON CREA	3		<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA
Corticosteroids - Topical					
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)			
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 gm daily); PA	<i>fluocinonide CREA 0.1 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 gm daily); ST	<i>fluocinonide GEL</i>	1B	
<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily); ST	<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA	<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ml daily); PA	<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 gm daily)
<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 gm daily)	<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ml daily)
CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ml daily)	<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA
<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	HALOG OINT	3	PA
<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 ea daily); RX/OTC
<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B		<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ml daily)	<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily)	<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B	
<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 gm daily)	<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B	
<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily)	<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
			<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
			<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)
			<i>prednicarbate OINT</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 gm daily)
Eczema Agents		
DUPIXENT SOAJ SC 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ml daily); PA
DUPIXENT SOAJ SC 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML	4	QL(0.048 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ml daily); PA
Emollients		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 gm daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
Enzymes - Topical		
SANTYL OINT	3	PA
Immunomodulating Agents - Topical		
<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
Immunosuppressive Agents - Topical		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents		
<i>podofilox SOLN</i>	1B	
Local Anesthetics - Topical		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA
SYNERA PTCH	3	QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
EUCRISA	3	QL(2 gm daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 gm daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 gm daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	
Scabicides & Pediculicides		
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA
<i>malathion</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>permethrin CREA</i>	1B	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
<i>spinosad</i>	1B	PA
Wound Care Products		
REGRANEX	3	QL(0.5 gm daily)
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 ea daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
Diagnostic Tests		
CHEMSTRIP-K STRP	1B	
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B	
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	1B	
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B	
KETONE TEST STRIPS STRP	1B	
KETONE STRP	1B	
KETOSTIX STRP	1B	
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	1B	
PRECISION XTRA	1B	
RELION KETONE TEST STRIPS STRP	1B	
RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRUE METRIX SELF MONITORING BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUETRACK TEST STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes		
Digestive Enzymes		
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	3	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure		
Carbonic Anhydrase Inhibitors		
<i>acetazolamide sodium</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 ea daily); PA
<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)
Diuretic Combinations		
<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1B	
Loop Diuretics		
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B	
<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 ea daily)
<i>furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>furosemide TABS</i>	1B	
<i>torseamide TABS</i>	1B	
Potassium Sparing Diuretics		
<i>amiloride hcl TABS</i>	1B	
<i>spironolactone TABS</i>	1B	
<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1B	
DIURIL SUSP	2	QL(20 ml daily)
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>metolazone</i>	1B	QL(2 ea daily)
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.		
- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		
Bone Density Regulators		
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>calcitonin (salmon) NA 200 UNIT/ACT</i>	1B	QL(0.14 ml daily)
FORTEO SOPN (teriparatide)	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 ea daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 ea daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA
<i>teriparatide SOPN</i>	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TERIPARATIDE SOPN	4	QL(0.09 ml daily); PA
TYMLOS	4	PA
XGEVA SOLN	4	SP; PA
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA
<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	SP; PA
Corticotropin		
ACTHAR GEL	3	PA
Fertility Regulators		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	PA
<i>clomiphene citrate TABS</i>	3	PA
GnRH/LHRH Antagonists		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORLISSA	2	PA
Growth Hormone Receptor Antagonists		
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	4	SP; PA
Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)		
EGRIFTA 2 MG	4	PA
EGRIFTA SV	4	PA
Growth Hormones		
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	4	PA
GENOTROPIN CART SC	4	PA
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
ZORBTIVE SC	4	SP; PA
Hormone Receptor Modulators		
OSPHENA	3	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 ea daily)
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
INCRELEX	4	SP; PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
FENSOLVI SC	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA
SYNAREL	4	SP; PA
Metabolic Modifiers		
ALDURAZYME	4	SP; PA
<i>betaine</i>	4	SP; PA
<i>calcitriol CAPS 0.25 MCG, 0.5 MCG</i>	1B	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
ELAPRASE	4	SP; PA
GALAFOLD	4	QL(0.5 ea daily); PA
LUMIZYME	4	SP; PA
MYALEPT	4	PA
NAGLAZYME	4	SP; PA
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
PHEBURANE PLLT	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
STRENSIQ	4	PA
Posterior Pituitary Hormones		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated</i>	1B	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline</i>	1B	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate KIT</i>	4	PA
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT (<i>octreotide acetate</i>)	4	PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	4	PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
JYNARQUE TBPB	4	SP; PA
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		
ACTIVELLA TABS 1 MG-0.5 MG (<i>estradiol & norethindrone acetate</i>)	3	
ANGELIQ	3	
BIJUVA	3	
CLIMARA PRO	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
COMBIPATCH PTTW	3	
DUAVEE	3	
<i>esterified estrogens & methyltestosterone</i>	3	
<i>estradiol & norethindrone acetate TABS</i>	3	
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
PREFEST	3	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 ea daily)
Estrogens		
DELESTROGEN 10 MG/ML (<i>estradiol valerate</i>)	1B	
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL 0.25 MG/0.25GM, 0.5 MG/0.5GM, 0.75 MG/0.75GM, 1 MG/GM, 1.25 MG/1.25GM</i>	1B	
<i>estradiol GEL 0.06 %</i>	3	
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol TABS</i>	1B	
ESTROGEL GEL (<i>estradiol</i>)	3	
EVAMIST SOLN	3	
MENEST	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS	2	QL(1 ea daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML</i>	3	
<i>ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
CIPRO SUSR	2	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN OR</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A	
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B	
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. -		
Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
Bile Acid Synthesis Disorder Agents		
CHOLBAM	4	SP; PA
Gallstone Solubilizing Agents		
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1B	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 ea daily)
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B	
<i>metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 ea daily)
Inflammatory Bowel Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 ea daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1B	
<i>mesalamine CPDR</i>	1B	
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 ea daily)
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ml daily); PA
SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ml daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ml daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1B	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B	
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>alose tron hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
LINZESS	2	QL(1 ea daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan</i>	1B	
MOVANTIK	3	QL(1 ea daily); PA
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
PHOSLYRA SOLN	2	

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sevelamer carbonate</i> PACK	1B	
<i>sevelamer carbonate</i> TABS	1B	
VELPHORO	3	PA
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer)</i> TBCR	1B	
<i>sodium citrate & citric acid</i>	1B	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant)</i> SOLN 1.5 %	1B	
<i>sodium chloride (gu irrigant)</i> 0.9 %	1B	
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	1B	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 ea daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	3	PA
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl</i> TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Urinary Stone Agents		
THIOLA EC TBEC 100 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(3 ea daily); PA
THIOLA EC TBEC 300 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(10 ea daily); PA
<i>tiopronin</i> TBEC 300 MG	3	QL(10 ea daily); PA
<i>tiopronin</i> TBEC 100 MG	3	QL(3 ea daily); PA
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
Gout Agents		
<i>allopurinol 100 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>colchicine</i> TABS	1B	QL(1 ea daily)
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1B	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Antihemophilic Products		
ADVATE	4	PA
ADYNOVATE	4	PA
AFSTYLA	4	PA
ALPROLIX	4	PA
ALTUVIIIIO	4	PA
BENEFIX KIT	4	PA
ELOCTATE	4	PA
ESPEROCT	4	PA
IDELVION	4	PA
JIVI	4	PA
KOGENATE FS KIT	4	PA
KOVALTRY	4	PA
NOVOEIGHT	4	PA
XYNTHA	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XYNTHA SOLOFUSE	4	PA
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOLN</i>	4	QL(9 ml daily); PA
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ml daily); PA
Complement Inhibitors		
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hemataologic - Tyrosine Kinase Inhibitors		
TAVALISSE	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 ea daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl</i>	1B	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
BRILINTA	2	QL(2 ea daily)
CABLIVI	4	PA
<i>cilostazol</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B	
<i>dipyridamole</i>	1B	
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
ZONTIVITY	3	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 ea daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>miglustat</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
OXBRYTA TABS 500 MG	4	PA
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ml daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS</i>	0	
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	4	SP
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
DOPTELET	4	QL(3 ea daily); PA
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
MIRCERA	4	PA
MULPLETA	4	QL(1 ea daily); PA
NYVEPRIA	4	PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	SP; PA

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PROMACTA PACK	4	QL(1 ea daily); PA
PROMACTA TABS	4	QL(1 ea daily); PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
ZIEXTENZO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
<i>ferrous fumarate-folic acid</i>	1B	QL(1 ea daily)
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
Stem Cell Mobilizers		
MOZOBIL (<i>plerixafor</i>)	4	SP; PA
<i>plerixafor</i>	4	SP; PA
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1B	
<i>phenobarbital TABS</i>	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1B	
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl 15 MG, 30 MG</i>	1B	PA
<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>triazolam</i>	1B	
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 ea daily)
Orexin Receptor Antagonists		
BELSOMRA	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1B	
Saline Laxatives		
OSMOPREP	3	PA
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing		
Local Anesthetics - Amides		
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1B	
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>azithromycin SOLR</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR</i>	1B	
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 ea per fill retail; 6 per fill mail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 ea per fill retail; 4 per fill mail)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B	
<i>clarithromycin TABS</i>	1B	
<i>clarithromycin TB24</i>	1B	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3	
Fidaxomicin		
DIFICID TABS	2	
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES		
Contraceptives		
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	
CAYA DPRH	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0	
DUREX TROPICAL MISC	0	
FANTASY LUBRICATED/SPERMICI DE MISC	0	
FANTASY LUBRICATED MISC	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	OMNIFLEX DIAPHRAGM	0	
			REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC	0	
			REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	
FEMCAP DEVI	0		REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	
KAMELEON LUBRICATED MISC	0		TROJAN MAGNUM MISC	0	
KIMONO COLORS DEVI	0		TROJAN ULTRA THIN LUBRICATED MISC	0	
KIMONO LUBRICATED MISC	0		TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL LUBRICANT MISC	0	
KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	0		TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0	
KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0		TROJAN-ENZ W/SPERMICIDAL MISC	0	
KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0		TRUE COVER DEVI	0	
KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	
KIMONO PS LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	0	
KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	0	
KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDDED MISC	0	
KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	0	
KIMONO SPECIAL DEVI	0		TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	0	
K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0		TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	
K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0		TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	
MAXX LUBRICATED MISC	0				
MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0				

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	0		FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDED MISC	0		FREESTYLE LIBRE 3 PLUS/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	0		FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0		FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	0		FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	0		ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	0		ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	0		RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	0		RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	0		RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	0		SELECT LANCETS	1B	6.66/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	0		SELECT LANCETS	1	6.66/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	0		TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1B	
Diabetic Supplies			Parenteral Therapy Supplies		
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA	SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	SELECT INSULIN SYRINGES	1	5/day
FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	PA	MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches		
			Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AIMOVIG	2	QL(0.04 ml daily); PA	<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOSY 100 MG/ML	2	QL(0.1 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOSY 120 MG/ML	2	QL(0.07 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
UBRELVY	3	ST	<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
Migraine Combinations			<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 ea daily)	<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail; 10 ea per 30 days mail)	<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
Migraine Products			<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B		<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ml daily)	<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 ea daily)	<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
Serotonin Agonists			<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	MINERALS & ELECTROLYTES		
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST			
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST			
<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST			

MINERALS & ELECTROLYTES

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Bicarbonates			<i>potassium chloride in nacl</i> 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %	1B	
<i>sodium acetate SOLN</i>	1B				
SODIUM ACETATE SOLN (<i>sodium acetate</i>)	1B		POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	1B	
Calcium			POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (<i>potassium chloride in nacl</i>)	1B	
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B		<i>ringer's</i>	1B	
Electrolyte Mixtures			Fluoride		
<i>dextrose in lactated ringers</i>	1B		<i>sodium fluoride CHEW</i> 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG	0	QL(1 ea daily)
<i>electrolyte-148</i>	1B		Magnesium		
<i>electrolyte-a</i>	1B		<i>magnesium sulfate IJ</i> 50 %	1B	
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	1B		Phosphate		
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	1B		<i>potassium phosphates</i> 236 MG/ML-224 MG/ML	1B	
ISOLYTE-S	1B		Potassium		
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i>)	1B		<i>potassium acetate SOLN</i> 2 MEQ/ML	1B	
<i>lactated ringer's</i>	1B		<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B	
NORMOSOL-M/D5W	1B		<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i> 10 MEQ, 15 MEQ, 20 MEQ	1B	
NORMOSOL-R	1B		<i>potassium chloride CPCR</i>	1B	
PLASMA-LYTE A (<i>electrolyte-a</i>)	1B		<i>potassium chloride PACK OR</i> 20 MEQ	1B	PA
PLASMA-LYTE-148 (<i>electrolyte-148</i>)	1B		<i>potassium chloride SOLN IV</i> 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML	1B	
<i>potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L</i>	1B		POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (<i>potassium chloride</i>)	1B	
<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B				

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>potassium chloride TBCR</i> 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ	1B	
Sodium		
<i>sodium chloride SOLN IV</i> 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %	1B	
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES		
Chelating Agents		
<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA
<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 ea daily); SP; PA
Immunomodulators		
<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
THALOMID	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Immunosuppressive Agents		
ATGAM IV	4	SP; PA
AZATHIOPRINE	1B	
<i>azathioprine TABS</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B	
<i>cyclosporine CAPS</i>	1B	
<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B	
ENSPRYNG	4	PA
<i>everolimus (immunosuppressant) 1 MG</i>	4	QL(10 ea daily); PA
<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 ea daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	
<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B	
<i>mycophenolate sodium 180 MG, 360 MG</i>	1B	
NULOJIX	4	SP; PA
PROGRAF PACK	2	PA
PROGRAF SOLN	2	
SIMULECT	3	
<i>sirolimus TABS</i>	1B	
<i>tacrolimus CAPS</i>	1B	
THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
Irrigation Solutions		
<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
<i>ringer's irrigation</i>	1B	
<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
Potassium Removing Agents		
LOKELMA	3	QL(1 ea daily); PA
<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B	
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML</i>	1B	
MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		
Anesthetics Topical Oral		
<i>lidocaine hcl (mouth- throat) 4 %</i>	1B	
<i>lidocaine hcl (mouth- throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)
Anti-infectives - Throat		
<i>clotrimazole</i>	1B	
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B	
Antiseptics - Mouth/Throat		

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B		NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
DEBACTEROL	2		NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
Dental Products			NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC	NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
Steroids - Mouth/Throat/Dental			ONE VITE WOMENS PRENATAL VITAMIN PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B		ONE VITE WOMENS PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
Throat Products - Misc.			PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>cevimeline hcl</i>	1B		PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B		PRENATAL PLUS VITAMIN AND MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
MULTIVITAMINS			PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
Ped MV w/ Fluoride			PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC	PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	2	QL(1 ea daily)
Prenatal Vitamins			PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 ea daily)
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATRIX TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)			
MASONATAL TABS	2	QL(1 ea daily)			
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC			
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)			
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 ea daily); RX/OTC			

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PRENATRYL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
QC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	2	QL(1 ea daily)
RA PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
TRICARE TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
VITATHELY/GINGER TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC

MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS -

Drugs to Treat Spasms

Central Muscle Relaxants

<i>baclofen TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	
<i>carisoprodol TABS</i>	1B	
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>chlorzoxazone TABS 750 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B	

Direct Muscle Relaxants

<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
-------------------------------	----	----------------

NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL -

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1B	RX/OTC
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ml daily)
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B	
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal) 0.025 %</i>	1B	1 package(s) per fill retail
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ml per 30 day(s) retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 gm daily); PA; RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B	
XHANCE EXHU	3	PA
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles		
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		
XEOMIN	3	PA
Nondepolarizing Muscle Relaxants		
<i>atracurium besylate 100 MG/10ML</i>	3	PA
NUTRIENTS		
Proteins		
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	3		<i>erythromycin (ophth)</i>	1B	
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%	3		<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye			<i>gentamicin sulfate (ophth) OINT</i>	1B	
Beta-blockers - Ophthalmic			<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B		KLARITY-A	3	QL(2.5 ml per 30 day(s) retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B		<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B		<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B		NATACYN	2	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B		<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B		<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B		<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B	
Cycloplegic Mydriatics			<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B		<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ml daily)	<i>trifluridine</i>	1B	
Miotics			ZIRGAN GEL	2	
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B		Ophthalmic Immunomodulators		
Ophthalmic Adrenergic Agents			<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
<i>apraclonidine hcl</i>	1B		Ophthalmic Local Anesthetics		
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B		<i>proparacaine hcl</i>	1B	
IOPIDINE	3		Ophthalmic Steroids		
Ophthalmic Anti-infectives			ALREX SUSP (<i>loteprednol etabonate</i>)	3	PA
AZASITE	3	QL(2.5 ml per 30 day(s) retail; 2 ml per 30 days mail)	<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ml daily)
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3		<i>difluprednate</i>	1B	PA
BESIVANCE	3	PA	<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B	
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B		FML FORTE SUSP	3	PA
			FML OINT	3	PA
			LOTEMAX OINT	3	PA

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA
<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA
MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>neomycin-polymyx-dexameth OINT</i>	1B	
<i>neomycin-polymyx-dexameth SUSP</i>	1B	
<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ml daily)
PRED MILD	3	PA
PRED-G SUSP	3	PA
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B	
ZYLET	3	PA
Ophthalmic Surgical Aids		
HEALON PRO SOSY	3	PA
PROVISC SOSY	3	PA
Ophthalmics - Misc.		
ALOCRIAL	3	PA
ALOMIDE	3	PA
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>brinzolamide</i>	1B	
<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ml daily); ST
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ml daily); RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	3	
<i>latanoprost SOLN</i>	1B	
<i>tafluprost</i>	1B	
<i>travoprost SOLN</i>	1B	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ml daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	PA
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetamide</i>	1B	QL(0.5 ea daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetamide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT		

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Immune Serums		
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	4	PA
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	4	SP; PA
GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C	4	SP; PA
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IJ 1 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PENICILLIN G PROCAINE	3	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1B	
<i>ampicillin & sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM</i>	1B	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B	
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1B	
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and		

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Emotional Conditions			AUSTEDO PATIENT TITRATION KIT TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
Agents for Chemical Dependency			AUSTEDO XR PATIENT TITRATION KIT TEPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>acamprosate calcium</i>	1B		AUSTEDO XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA
<i>disulfiram</i>	1B		AUSTEDO TABS	4	QL(4 ea daily); PA
<i>lofexidine hcl</i>	1B	QL(224 ea per 14 day(s) retail); PA	INGREZZA CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
LUCEMYRA (<i>lofexidine hcl</i>)	3	QL(224 ea per 14 day(s) retail); PA	INGREZZA CPPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
Antidementia Agents			INGREZZA CPSP	4	QL(1 ea daily); PA
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	Multiple Sclerosis Agents		
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	AVONEX PSKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)	BETASERON KIT	4	QL(0.5 ea daily); SP; PA
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ml daily)	<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B		<i> fingolimod hcl</i>	4	QL(1 ea daily)
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B		<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	3	QL(1 ml daily)
Combination Psychotherapeutics			<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	3	QL(0.43 ml daily)
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1B		KESIMPTA	4	QL(0.0144 ml daily); PA
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 ea daily)	PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
Fibromyalgia Agents			PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA	Movement Disorder Drug Therapy		
SAVELLA TABS	2	QL(2 ea daily); PA			

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PLEGRIDY SOAJ SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 ea daily)
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 ea daily); PA
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
NUDEXTA	3	QL(2 ea daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B	
<i>pimozide</i>	1B	
Smoking Deterrents		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	0	
<i>nicotine MISC XX</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NICOTROL INHALER INHA	0	
NICOTROL NS SOLN	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>varenicline tartrate TBPK</i>	0	
Transthyretin Amyloidosis Agents		
TEGSEDI	4	PA
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ORKAMBI PACK	4	QL(2 ea daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 ea daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ml daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPK	4	QL(3 ea daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 ea daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 ea daily); PA
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluorocyclines		

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XERAVA	4	PA
Glycylcyclines		
<i>tigecycline</i>	1B	
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 ea daily)
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS</i>	1B	
<i>propylthiouracil</i>	1B	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS 15 MG, 30 MG, 60 MG, 90 MG, 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG	2	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1B	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
NP THYROID 120 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 15 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 30 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 60 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 90 TABS	1B	QL(1 ea daily)
SYNTHROID TABS (<i>levothyroxine sodium</i>)	2	
TOXOIDS		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	
DAPTACEL	0	
DIPHTHERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP	0	
INFANRIX	0	
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
TDVAX SUSP	0	
TENIVAC INJ	0	
TETANUS/DIPHTHERIA TOXOIDS-ADSORBED ADULT SUSP	0	
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B		<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B		NEXIUM 24HR TBEC (<i>esomeprazole magnesium</i>)	1B	QL(2 ea daily)
<i>dicyclomine hcl SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B		<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B		<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML</i>	1B		<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B		<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>methscopolamine bromide</i>	1B		<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 ea daily)
H-2 Antagonists			Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC	<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B		Ulcer Therapy Combinations		
<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML</i>	1A		<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail
<i>famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1B		<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ml daily)	URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	RX/OTC	Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		
<i>nizatidine CAPS</i>	1B		<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>ranitidine hcl TABS 150 MG</i>	1B		<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Misc. Anti-Ulcer			<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)	<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B	
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>oxybutynin chloride TB24 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	
Proton Pump Inhibitors			<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 ea daily)			
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC			
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 ea daily)			
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)			
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B				

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B	
<i>trospium chloride CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>trospium chloride TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B	
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants		
<i>flavoxate hcl</i>	1B	
VACCINES		
Bacterial Vaccines		
ACTHIB SOLR IM	0	
BEXSERO	0	
HIBERIX SOLR IJ	0	
MENACTRA	0	
MENQUADFI	0	
MENVEO SOLN	0	
MENVEO SOLR	0	
PEDVAX HIB SUSP 7.5 MCG/0.5ML	0	
PNEUMOVAX 23 IJ	0	
PNEUMOVAX 23/1 DOSE IJ	0	
PREVNAR 13	0	
PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail
TRUMENBA	0	
VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail
Viral Vaccines		
ABRYSVO	0	
AFLURIA 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AFLURIA 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AREXVY	0	
COMIRNATY 2023-24 SUSP	0	
COMIRNATY 2023-24 SUSY	0	
COMIRNATY 2024-25 SUSY	0	
COMIRNATY SUSP	0	
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
ENGERIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
FLUAD 2024-2025	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLUARIX 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLULAVAL 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK 2024-2025 SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUMIST NASAL VACCINE 2024-2025	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX 2024-2025 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE 2024-2025 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
			FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
			FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	0	
GARDASIL 9 SUSP	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2024-25 SUSP	0	
GARDASIL 9 SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	0	
HAVRIX	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	0	
HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 292 day(s) retail; 2 max fill(s) per 292 day(s) mail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP	0	
IPOL INACTIVATED IPV	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	0	
JANSSEN COVID-19 VACCINE	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP	0	
M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/5-11Y	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/6M-4Y	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2024-25 SUSY	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/6M O-5Y	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5	0		PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	0		PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0				
NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0				
NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RECOMBIVAX HB SUSP 5 MCG/0.5ML, 10 MCG/ML, 40 MCG/ML	0	
RECOMBIVAX HB SUSY	0	
ROTARIX SUSP	0	
ROTARIX SUSR	0	
ROTATEQ SOLN	0	
SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
TWINRIX SUSY	0	
VAQTA	0	
VARIVAX SUSR IJ	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
VAGINAL AND RELATED PRODUCTS		
Miscellaneous Vaginal Products		
INTRAROSA	3	QL(1 ea daily); PA
Spermicides		
TODAY SPONGE MISC	0	
Vaginal Anti-infectives		
<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	
GYNAZOLE-1	3	QL(5 gm per 30 day(s) retail; 5 gm per 30 days mail)
<i>metronidazole vaginal</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
Vaginal Anti-inflammatory Agents		
<i>hydrocortisone vaginal</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
ESTRING RING	3	
FEMRING	3	
PREMARIN	2	QL(1.5 gm daily)
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML</i>	1B	QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1B	
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		

Ambetter Formulary Updated November 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN OR</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
<i>ascorbic acid SOLN IJ</i>	3	QL(0.4 ml daily)
NIACIN TR TBCR	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

INDEX

abacavir sulfate SOLN	30	ACTIVELLA TABS 1 MG-0.5 MG (estradiol & norethindrone acetate) 46	AIMOVIG	54	
abacavir sulfate TABS	30	acyclovir CAPS	31	AIMSCO LUBRICATED MISC	51
abacavir sulfate-lamivudine	30	acyclovir SUSP	31	AIRDUO DIGIHALER 113/14	9
ABELCET	18	acyclovir TABS OR	31	AIRDUO DIGIHALER 232/14	9
abiraterone acetate 250 MG	25	acyclovir topical CREA	40	AIRDUO DIGIHALER 55/14	10
abiraterone acetate 500 MG	25	acyclovir topical OINT	40	AIRSUPRA	10
ABRYSSVO	66	ADACEL SUSP	64	AKYNZEO	17
acamprosate calcium	62	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	3	albendazole	8
acarbose	15	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	3	albuterol sulfate AERS	10
acebutolol hcl CAPS	32	adapalene CREA	37	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.5 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML, 2.5 MG/0.5ML	10
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	adapalene GEL	37	albuterol sulfate SYRP	10
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	6	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	37	albuterol sulfate TABS	10
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	6	ADCETRIS	24	alclometasone dipropionate CREA	40
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	6	adefovir dipivoxil	31	alclometasone dipropionate OINT	40
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	ADEMPAS	34	ALDURAZYME	45
acetazolamide CP12	44	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	64	ALECENSA	26
acetazolamide sodium	43	ADVATE	48	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	44
acetazolamide TABS 125 MG	44	ADYNOVATE	48	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	44
acetazolamide TABS 250 MG	44	AFLURIA 2024-2025 SUSP	66	alfuzosin hcl	48
acetic acid (otic)	60	AFLURIA 2024-2025 SUSY	66	ALINIA SUSR	21
acetic acid 0.25 %	48	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP	66	aliskiren fumarate	21
acetylcysteine SOLN	37	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	66	allopurinol 100 MG, 300 MG	48
acitretin 10 MG, 17.5 MG	39	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP	66	almotriptan malate 12.5 MG	54
acitretin 25 MG	39	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	66	almotriptan malate 6.25 MG	54
ACTHAR GEL	45	AFSTYLA	48	ALOCRIIL	60
ACTHIB SOLR IM	66			alogliptin benzoate	16
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	27			alogliptin-metformin hcl	15

alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG 15	aminophylline SOLN 10	CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG 1
alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG 15	amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML ... 9	
ALOMIDE 60	amiodarone hcl TABS 9	amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG- 3.75 MG 1
alosetron hcl 47	amlodipine besylate TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 32	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG 1
alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG 8	amlodipine besylate-atorvastatin calcium 33	
alprazolam TABS 2 MG 8	amlodipine besylate-benazepril hcl 20	amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG- 3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG 1
alprazolam TBP 8	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil 20	
ALPROLIX 48	amlodipine besylate-valsartan 20	
ALREX SUSP (loteprednol etabonate) 59	amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide 20	amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG 1
ALTABAX 38	amoxapine 14	
ALTUVIII 48	amoxicillin & pot clavulanate CHEW . 61	amphotericin b IV 18
ALUNBRIG TABS 26	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 61	amphotericin b liposome 18
ALUNBRIG TBP 26	amoxicillin & pot clavulanate TABS 61	ampicillin & sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM 61
ALVESCO 9	amoxicillin & pot clavulanate TB12 61	ampicillin CAPS 500 MG 61
alvimopan 47	amoxicillin CAPS 61	ampicillin sodium IJ 1 GM 61
amantadine hcl CAPS 28	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG . 61	anagrelide hcl 49
amantadine hcl SOLN 28	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML ... 61	anastrozole 25
amantadine hcl TABS 28	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML 61	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR 7
ambrisentan 33	amoxicillin TABS 61	ANGELIQ 46
amcinonide CREA 40	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK 65	ANNOVERA 35
amcinonide LOTN 40	amphetamine sulfate TABS 1	ANORO ELLIPTA 10
amcinonide OINT 40	amphetamine-dextroamphetamine	ANZEMET TABS 50 MG 17
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML 2		APIDRA SOLN 16

APIDRA SOLOSTAR SOPN	16	asenapine maleate 5 MG, 10 MG	29	AVONEX PEN AJKT	62
apomorphine hydrochloride SOCT	28	aspirin CHEW	5	AVONEX PSKT	62
apraclonidine hcl	59	aspirin TABS 325 MG	5	AYVAKIT	25
aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG	18	aspirin TBEC 325 MG	5	azacitidine SUSR	24
aprepitant CAPS 80 MG	18	aspirin TBEC 81 MG	5	AZASITE	59
aprepitant CAPS	18	aspirin-dipyridamole	49	AZATHIOPRINE	56
aprepitant MISC	18	atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG	30	azathioprine TABS	56
APTIOM	11	atazanavir sulfate CAPS 200 MG	30	azelaic acid GEL	42
APTIVUS CAPS	30	atenolol & chlorthalidone	20	azelastine hcl (ophth)	60
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	49	atenolol TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG	32	azelastine hcl	58
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	49	ATGAM IV	56	AZELEX	37
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	49	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG	1	azithromycin PACK	51
ARCALYST	3	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG	1	azithromycin SOLR	51
AREXVY	66	atorvastatin calcium TABS	19	azithromycin SUSR	51
arformoterol tartrate	10	atovaquone	21	azithromycin TABS 250 MG	51
ARIKAYCE	2	atovaquone-proguanil hcl	22	azithromycin TABS 500 MG	51
aripiprazole SOLN OR	30	atracurium besylate 100 MG/10ML 58		azithromycin TABS 600 MG	51
aripiprazole TABS	30	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML	64	aztreonam 1 GM	22
armodafinil	2	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML	64	bacitracin (ophthalmic)	59
ARMOUR THYROID TABS 15 MG, 30 MG, 60 MG, 90 MG, 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG	64	ATROVENT HFA	9	bacitracin	21
ARNUITY ELLIPTA	9	AUSTEDO PATIENT TITRATION KIT TBPk	62	baclofen TABS 10 MG, 20 MG	58
arsenic trioxide 10 MG/10ML	27	AUSTEDO TABS	62	BALCOLTRA (levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron)	35
ARZERRA	24	AUSTEDO XR PATIENT TITRATION KIT TEPK	62	balsalazide disodium CAPS	47
ascorbic acid SOLN IJ	70	AUSTEDO XR TB24	62	BALVERSA	26
asenapine maleate 2.5 MG	29			BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 11	
				BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 11	
				BARACLUDE SOLN	31
				BASAGLAR KWIKPEN SOPN	16

BAXDELA SOLR	46	LOTN	40	BOOSTRIX SUSY	64
BAXDELA TABS	47	betamethasone dipropionate (topical) OINT 0.05 %	40	bortezomib SOLR IJ	26
BELSOMRA	50	betamethasone dipropionate augmented CREA	40	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..	26
benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	20	betamethasone dipropionate augmented LOTN	40	bosentan TABS 125 MG	33
benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	20	betamethasone dipropionate augmented OINT	40	bosentan TABS 62.5 MG	33
benazepril hcl 5 MG, 10 MG, 20 MG, 40 MG	20	betamethasone dipropionate augmented OINT	40	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	26
bendamustine hcl SOLR	23	betamethasone valerate CREA ...	40	BOSULIF TABS 400 MG	26
BENEFIX KIT	48	betamethasone valerate FOAM ...	40	BRAFTOVI 75 MG	26
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 37		betamethasone valerate LOTN ...	40	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate- vilanterol)	10
BENZEPRO FOAM 5.3 %	37	betamethasone valerate OINT	40	BREO ELLIPTA	10
benzonatate 100 MG	37	BETASERON KIT	62	BREZTRI AEROSPHERE	10
benzonatate 150 MG	37	betaxolol hcl (ophth) SOLN	59	BRILINTA	49
benzonatate 200 MG	37	betaxolol hcl	32	brimonidine tartrate (topical)	42
benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	37	betaxolol hcl	32	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %	59
benzoyl peroxide GEL 10 %	37	bethanechol chloride 25 MG	66	brimonidine tartrate-timolol maleate . 59	
benzoyl peroxide GEL 5 %	37	bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG	66	brinzolamide	60
benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %	37	bexarotene (topical)	39	BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML ..	11
benzoyl peroxide-erythromycin GEL . 37		bexarotene	27	BRIVIACT TABS	11
benztropine mesylate SOLN	28	BEXSERO	66	bromfenac sodium (ophth)	60
benztropine mesylate TABS	28	bicalutamide	25	bromocriptine mesylate CAPS	28
bepotastine besilate	60	BIJUVA	46	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG	28
BESIVANCE	59	BIKTARVY	30	BRUKINSA	26
betaine	45	bimatoprost SOLN	60	budesonide (inhalation) SUSP	9
betamethasone dipropionate (topical) CREA	40	bisacodyl SUPP	51	budesonide (intrarectal)	7
betamethasone dipropionate (topical)		bisacodyl TBEC	51	budesonide (nasal)	58
		bisoprolol & hydrochlorothiazide ..	20	budesonide CPEP	36
		bisoprolol fumarate	32	budesonide-formoterol fumarate dihydrate	10
		bleomycin sulfatate 15 UNIT	25		
		BOOSTRIX SUSP	64		

bumetanide SOLN 0.25 MG/ML	44	MG	6	candesartan cilexetil	20
bumetanide TABS	44	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG	6	candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide	20
buprenorphine hcl SOLN	7	butalbital-aspirin-caffeine CAPS	5	capecitabine	24
buprenorphine hcl SUBL	7	butalbital-aspirin-caffeine w/cod	6	CAPRELSA	26
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG	7	butenafine hcl	38	captopril 12.5 MG	20
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG	7	butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML	7	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG	20
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	7	butorphanol tartrate NA 10 MG/ML	7	carbamazepine CHEW	11
buprenorphine PTWK	7	cabergoline	46	carbamazepine CP12 100 MG	11
bupropion hcl (smoking deterrent)	63	CABLIVI	49	carbamazepine CP12 200 MG	11
bupropion hcl TABS 75 MG, 100 MG 13	13	CABOMETYX TABS	26	carbamazepine CP12 300 MG	11
bupropion hcl TB12 100 MG	13	calcipotriene CREA	39	carbamazepine SUSP	11
bupropion hcl TB12 150 MG	13	calcipotriene OINT	39	carbamazepine TABS	11
bupropion hcl TB12 200 MG	13	calcipotriene SOLN	39	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	12
bupropion hcl TB24 150 MG	13	calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT	40	carbamazepine TB12 200 MG	12
bupropion hcl TB24 300 MG	13	calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP	40	carbidopa	28
buspironone hcl 5 MG	8	calcitonin (salmon) NA 200 UNIT/ACT	44	carbidopa-levodopa TABS	28
buspironone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG	8	calcitriol (topical)	39	carbidopa-levodopa TBCR	28
busulfan SOLN	23	calcitriol CAPS 0.25 MCG, 0.5 MCG	45	carbidopa-levodopa TBCR	28
butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG	5	calcitriol SOLN IV	45	carbidopa-levodopa-entacapone	28
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG	5	calcium acetate (phosphate binder) CAPS	47	carbinoxamine maleate SOLN	18
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	4	calcium acetate (phosphate binder) TABS	47	carbinoxamine maleate TABS 4 MG	18
butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG	5	calcium chloride (dihydrate) SOLN	55	carboplatin SOLN 50 MG/5ML	23
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300		calcium polycarbophil TABS	50	carisoprodol TABS	58
		CALQUENCE	26	carmustine	23
				carteolol hcl (ophth)	59
				carvedilol 3.125 MG, 6.25 MG, 12.5 MG, 25 MG	32
				carvedilol phosphate	32

caspofungin acetate	18	cephalexin CAPS	34	cholestyramine light POWD	19
CAYA DPRH	51	cephalexin SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML	34	cholestyramine PACK	19
CAYSTON	22	CERDELGA	49	cholestyramine POWD	19
cefaclor CAPS	34	CEREZYME 400 UNIT	49	choline fenofibrate	19
cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML	34	cetirizine hcl TABS	18	CHORIONIC GONADOTROPIN IM 45	
cefadroxil CAPS	34	cevimeline hcl	57	ciclopirox GEL	38
cefadroxil SUSR	34	CHEMET	17	ciclopirox olamine CREA	38
cefadroxil TABS	34	CHEMSTRIP-K STRP	43	ciclopirox olamine SUSP	38
cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	34	chloramphenicol sodium succinate 22		ciclopirox SHAM	38
cefdinir CAPS	34	chlordiazepoxide hcl CAPS	8	ciclopirox SOLN	38
cefdinir SUSR	34	chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide	65	cidofovir	31
cefepime hcl SOLR IV 2 GM	35	chlordiazepoxide-amitriptyline	62	cilostazol	49
cefixime CAPS	34	chlorhexidine gluconate (mouth- throat)	57	CIMDUO	30
cefixime SUSR	34	chloroquine phosphate TABS 250 MG	22	cimetidine TABS	65
cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM	34	chloroquine phosphate TABS 500 MG	22	cinacalcet hcl	45
cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	34	chlorpromazine hcl SOLN	29	CIPRO SUSR	47
cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ...	34	chlorpromazine hcl TABS	29	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN	59
cefpodoxime proxetil SUSR	34	chlorthalidone 25 MG, 50 MG	44	ciprofloxacin hcl (otic)	60
cefpodoxime proxetil TABS	34	chlorzoxazone TABS 500 MG	58	ciprofloxacin hcl TABS	47
cefprozil SUSR	34	chlorzoxazone TABS 750 MG	58	ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML	47
cefprozil TABS	34	CHOLBAM	47	ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML	47
ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM	34	cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT	70	ciprofloxacin-dexamethasone	60
ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG	34	cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT	70	ciprofloxacin-fluocinolone acetonide . 60	
ceftriaxone sodium IJ 250 MG	34	cholestyramine light PACK	19	cisplatin SOLN 100 MG/100ML	23
cefuroxime axetil TABS	34			citalopram hydrobromide SOLN ...	13
cefuroxime sodium IJ 750 MG	34			citalopram hydrobromide TABS 10 MG	13
celecoxib	4			citalopram hydrobromide TABS 20	
CELONTIN (methsuximide)	13				

MG	13	CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10% 58	clotrimazole w/ betamethasone CREA	38	
citalopram hydrobromide TABS 40 MG	13	CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5% 59	clotrimazole w/ betamethasone LOTN	38	
clarithromycin SUSR	51	CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20% 59	clozapine TABS	29	
clarithromycin TABS	51	clobazam SUSP	11	clozapine TBDP 100 MG	29
clarithromycin TB24	51	clobazam TABS	11	clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG 29	
CLASSIC PRENATAL TABS	57	clobetasol propionate CREA 0.05 % 41	clozapine TBDP 25 MG	29	
clemastine fumarate SYRP	18	clobetasol propionate emollient base 0.05 %	40	COARTEM	22
clemastine fumarate TABS 2.68 MG 18		clobetasol propionate FOAM	41	codeine sulfate TABS 30 MG	5
CLIMARA PRO	46	clobetasol propionate GEL 0.05 %	41	CODEINE SULFATE TABS	5
clindamycin hcl	22	clobetasol propionate OINT 0.05 % 41	41	colchicine TABS	48
clindamycin palmitate hydrochloride 22		clobetasol propionate SOLN 0.05 % 41	41	colchicine w/ probenecid	48
clindamycin phosphate (topical) FOAM	37	cloccortolone pivalate	41	colesevelam hcl PACK	19
clindamycin phosphate (topical) GEL 37		clofarabine	24	colesevelam hcl TABS	19
clindamycin phosphate (topical) LOTN	37	clomiphene citrate TABS	45	colestipol hcl GRAN	19
clindamycin phosphate (topical) SOLN	37	clomipramine hcl	14	colestipol hcl PACK	19
clindamycin phosphate (topical) SWAB	37	clonazepam TABS	11	colestipol hcl TABS	19
clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML	22	clonidine	20	COMBIPATCH PTTW	46
clindamycin phosphate vaginal CREA	69	clonidine hcl (adhd) TB12	1	COMETRIQ KIT	26
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	37	clonidine hcl TABS	20	COMIRNATY 2023-24 SUSP	66
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %	37	clopidogrel bisulfate 300 MG	49	COMIRNATY 2023-24 SUSY	66
clindamycin phosphate-tretinoin ..	37	clopidogrel bisulfate 75 MG	49	COMIRNATY 2024-25 SUSY	66
		clorazepate dipotassium TABS	8	COMIRNATY SUSP	66
		clotrimazole (topical) CREA	38	COMPLERA	30
		clotrimazole (topical) SOLN	38	CONTRACE	1
		clotrimazole	56	COPIKTRA	26
		clotrimazole vaginal CREA 1 % ...	69	CORDRAN TAPE	41
				CORLANOR SOLN	34
				CORLANOR TABS (ivabradine hcl)	

34	MG/0.4ML	3	darifenacin hydrobromide	65
CORTISPORIN-TC60	CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40	darunavir TABS	30
COSENTYX SENSOREADY PEN		MG/0.8ML	dasatinib	26
SOAJ39	CYLTEZO STARTER PACKAGE	DAURISMO	25
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	...39	FOR CROHNS DISEASE/UC/HS	DEBACTEROL	57
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	.39	AJKT 40 MG/0.4ML	decitabine	24
COSENTYX UNOREADY SOAJ	..39	CYLTEZO STARTER PACKAGE	deferasirox PACK	17
CREON CPEP43	FOR CROHNS DISEASE/UC/HS	deferasirox TABS	17
CRESEMBA CAPS OR 186 MG	...18	AJKT 40 MG/0.8ML	deferasirox TBSO	17
cromolyn sodium (ophth)60	CYLTEZO STARTER PACKAGE	deferiprone TABS 500 MG	17
cromolyn sodium NEBU9	FOR PSORIASIS AJKT	deflazacort SUSP	36
crotamiton LOTN42	CYLTEZO STARTER PACKAGE	deflazacort TABS	36
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6		FOR PSORIASIS/UEITIS AJKT	DELESTROGEN 10 MG/ML	
MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7		CYPROHEPTADINE HCL SYRP	(estradiol valerate)	46
MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-	19	DELSTRIGO	30
263 MG-11 UNIT-4000 UNIT57	CYPROHEPTADINE HCL TABS	demeclocycline hcl TABS	64
cyanocobalamin SOLN IJ 1000	19	DEPO-ESTRADIOL	46
MCG/ML49	CYSTAGON CAPS	DEPO-MEDROL SUSP	36
cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10	48	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY	
MG58	CYSTARAN	SC	36
cyclophosphamide CAPS2360	desipramine hcl TABS	14
cyclophosphamide SOLR IJ23	cytarabine SOLN	desloratadine TABS	18
cycloserine2324	desloratadine TBDP 2.5 MG	18
cyclosporine (ophth) EMUL59	dabigatran etexilate mesylate CAPS	desmopressin acetate SOLN IJ	46
cyclosporine CAPS56	11	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN	
cyclosporine modified (for		dacarbazine SOLR 200 MG	NA	46
microemulsion) CAPS5627	desmopressin acetate spray	46
cyclosporine modified (for		dactinomycin	desmopressin acetate spray	
microemulsion) SOLN5625	refrigerated	46
cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML	..56	dalfampridine	desmopressin acetate TABS 0.1 MG	
CYLTEZO AJKT 40 MG/0.4ML362	46	
CYLTEZO AJKT 40 MG/0.8ML3	danazol CAPS	desmopressin acetate TABS 0.2 MG	
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML, 40	7		
		dantrolene sodium CAPS		
	58		
		dapagliflozin propanediol		
	16		
		dapagliflozin propanediol-metformin		
		hcl 1000 MG-10 MG		
	15		
		dapagliflozin propanediol-metformin		
		hcl 1000 MG-5 MG		
	15		
		dapsone		
	22		
		DAPTACEL		
	64		
		daptomycin 500 MG		
	22		

46	dexamethylphenidate hcl TABS2	dicyclomine hcl CAPS 65
desogestrel & ethinyl estradiol35	dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG1	dicyclomine hcl SOLN OR 10 MG/5ML65
desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)35	dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG1	dicyclomine hcl TABS65
desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)35	dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG . 1	DIFFERIN LOTN37
desonide CREA41	dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG1	DIFICID TABS 51
desonide LOTN41	dextrose in lactated ringers 55	diflorasone diacetate CREA 41
desonide OINT41	DIACOMIT CAPS 250 MG12	diflorasone diacetate OINT 41
desoximetasone CREA 0.25 %41	DIACOMIT CAPS 500 MG12	diflunisal TABS5
desoximetasone GEL41	DIACOMIT PACK 250 MG12	difluprednate59
desoximetasone OINT 0.25 %41	DIACOMIT PACK 500 MG12	digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML33
desvenlafaxine succinate 100 MG .14	diazepam (anticonvulsant) GEL ... 11	digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG33
desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG 14	diazepam CONC 8	dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML 54
dexamethasone ELIX36	diazepam SOLN OR 5 MG/5ML 8	dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML 54
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC36	diazepam TABS8	DILANTIN (phenytoin sodium extended) 12
dexamethasone sodium phosphate (ophth)59	diazoxide 16	DILANTIN12
dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML36	dichlorphenamide 44	DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin) 12
dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML 36	diclofenac epolamine PTCH EX ...39	DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) . 13
dexamethasone SOLN36	diclofenac potassium TABS 50 MG .4	diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG 32
dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG 36	diclofenac sodium (actinic keratoses) EX39	diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG 32
dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG 36	diclofenac sodium (ophth)60	diltiazem hcl CP1232
dexchlorpheniramine maleate SOLN . 18	diclofenac sodium (topical) GEL EX 39	diltiazem hcl CP2433
dexlansoprazole65	diclofenac sodium TB24 100 MG ...4	diltiazem hcl extended release beads32
dexamethylphenidate hcl CP242	diclofenac sodium TBEC4	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..33
	diclofenac w/ misoprostol TBEC4	
	dicloxacillin sodium61	

DILTIAZEM HCL SOLR	33	MG	62	doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG	64
diltiazem hcl TABS	33	donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG	62	doxylamine-pyridoxine TBEC	17
diltiazem hcl TB24	33	donepezil hydrochloride TBDP 10 MG	62	dronabinol CAPS	17
dimethyl fumarate CDPK	62	donepezil hydrochloride TBDP 5 MG 62		drosiprenone-ethinyl estradiol	35
dimethyl fumarate CPDR	62	DOPTelet	49	drosiprenone-ethinyl estradiol- levomefolate calcium	35
DIPENTUM	47	dorzolamide hcl	60	DROXIA CAPS	49
diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 18		dorzolamide hcl-timolol maleate ..	59	DUAVEE	46
diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML	18	DOVATO	30	DULERA	10
diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML	18	doxazosin mesylate	20	duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG	14
diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML	18	doxepin hcl (antipruritic)	39	duloxetine hcl CPEP 40 MG	14
diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	17	doxepin hcl (sleep)	50	DUPIXENT SOAJ SC 200 MG/1.14ML	42
diphenoxylate w/ atropine TABS ...	17	doxepin hcl CAPS	14	DUPIXENT SOAJ SC 300 MG/2ML 42	
DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP ...	64	doxepin hcl CONC	14	DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML 42	
dipyridamole	49	doxercalciferol CAPS	45	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML 42	
disopyramide phosphate CAPS	8	doxercalciferol SOLN	45	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML ...	42
disulfiram	62	doxorubicin hcl liposomal IV	25	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	51
DIURIL SUSP	44	doxorubicin hcl SOLN	25	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	51
divalproex sodium TB24	13	doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG	25	DUREX TROPICAL MISC	51
divalproex sodium TBEC	13	doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG	64	dutasteride	48
docetaxel CONC 20 MG/ML	28	doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG	64	dutasteride-tamsulosin hcl	48
docetaxel SOLN 20 MG/2ML	28	doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG	64	econazole nitrate CREA	38
docusate calcium	51	doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG	64	EDARBI	20
docusate sodium CAPS 100 MG ..	51	doxycycline hyclate CAPS 50 MG, 100 MG	64	EDURANT	30
docusate sodium CAPS 250 MG ..	51	doxycycline hyclate SOLR	64	efavirenz CAPS 200 MG	30
dofetilide	9				
donepezil hydrochloride TABS 10					

efavirenz CAPS 50 MG	30	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	30	epinastine hcl (ophth)	60
efavirenz TABS	30	EMTRIVA SOLN	30	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML	69
efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate	30	EMVERM CHEW	8	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML	69
efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate	30	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20		EPIVIR HBV SOLN	31
EGRIFTA 2 MG	45	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20		eplerenone	21
EGRIFTA SV	45	enalapril maleate TABS	20	EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	49
ELAPRASE	45	ENBREL MINI SOCT	4	epoprostenol sodium	33
electrolyte-148	55	ENBREL SOLN	4	EQL PRENATAL FORMULA TABS 57	
electrolyte-a	55	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	EQUETRO 100 MG	29
ELESTRIN GEL	46	ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	EQUETRO 200 MG	29
eletriptan hydrobromide	54	ENBREL SURECLICK SOAJ	4	EQUETRO 300 MG	29
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	25	ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	66	ERAXIS	18
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	25	ENGERIX-B SUSY	66	ERBITUX	24
ELIQUIS STARTER PACK TBPK	10	enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	10	ergocalciferol CAPS	70
ELIQUIS TABS	10	enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	10	ergocalciferol SOLN OR	70
ELLA	35	enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	10	ergoloid mesylates TABS	63
ELMIRON CAPS	48	enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	11	ERGOMAR SUBL	54
ELOCTATE	48	enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	10	ergotamine w/ caffeine TABS	54
EMCYT	25	enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	10	eribulin mesylate	28
EMFLAZA SUSP (deflazacort)	36	ENSPRYNG	56	ERIVEDGE	25
EMFLAZA TABS (deflazacort)	36	entacapone	28	ERLEADA 240 MG	25
EMGALITY SOAJ	54	entecavir TABS	31	ERLEADA 60 MG	25
EMGALITY SOSY 100 MG/ML	54	EPIDIOLEX	12	erlotinib hcl	24
EMGALITY SOSY 120 MG/ML	54			ERTACZO	38
EMSAM	13			ertapenem sodium IJ	21
emtricitabine CAPS	30			erythromycin (acne aid) PADS	38
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG	30			erythromycin (acne aid) SOLN	38

erythromycin (ophth)	59	estradiol valerate	46	famotidine in nacl SOLN	65
erythromycin base CPEP	51	ESTRING RING	69	famotidine SOLN 20 MG/2ML	65
erythromycin base TABS	51	ESTROGEL GEL (estradiol)	46	famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML	65
erythromycin base TBEC	51	eszopiclone	50	famotidine SUSR	65
erythromycin ethylsuccinate SUSR 51		ethacrynic acid	44	famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	65
erythromycin ethylsuccinate TABS 51		ethambutol hcl TABS	23	FANAPT	29
escitalopram oxalate SOLN	13	ethosuximide CAPS	13	FANAPT TITRATION PACK	29
escitalopram oxalate TABS 10 MG 13		ethosuximide SOLN	13	FANTASY LUBRICATED MISC ...	51
escitalopram oxalate TABS 20 MG 13		ethynodiol diacet & eth estrad ...	35	FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 51	
escitalopram oxalate TABS 5 MG .	13	etodolac CAPS	4	FARXIGA (dapagliflozin propanediol)	16
esomeprazole magnesium CPDR 20 MG	65	etodolac TABS	4	FARXIGA	16
esomeprazole magnesium CPDR 40 MG	65	etonogestrel-ethinyl estradiol	35	FASENRA PEN SOAJ	9
esomeprazole magnesium TBEC ..	65	ETOPOPHOS	28	FASENRA SOSY 30 MG/ML	9
ESPEROCT	48	etoposide CAPS	28	FC2 FEMALE CONDOM	52
estazolam	50	etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML	28	febuxostat	48
esterified estrogens & methyltestosterone	46	etravirine 100 MG	30	felbamate SUSP	12
estradiol & norethindrone acetate TABS	46	etravirine 200 MG	30	felbamate TABS 400 MG	12
estradiol GEL 0.06 %	46	EUCRISA	42	felbamate TABS 600 MG	12
estradiol GEL 0.25 MG/0.25GM, 0.5 MG/0.5GM, 0.75 MG/0.75GM, 1 MG/GM, 1.25 MG/1.25GM	46	EVAMIST SOLN	46	felodipine	33
estradiol PTTW	46	everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	56	FEMCAP DEVI	52
estradiol PTWK	46	everolimus (immunosuppressant) 1 MG	56	FEMRING	69
estradiol TABS	46	everolimus TABS	26	fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG ...	19
estradiol vaginal CREA	69	EVOTAZ	30	fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
estradiol vaginal TABS	69	exemestane	25	fenoprofen calcium TABS	4
		ezetimibe	19	FENSOLVI SC	45
		ezetimibe-simvastatin	19	fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
		famciclovir 125 MG, 250 MG	31	fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
		famciclovir 500 MG	31	fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	45
				fenofibrate TABS 48 MG, 5	

MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	5	2023	67	fluocinolone acetonide OIL	41
fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR	5	FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	67	fluocinolone acetonide OINT	41
ferrous fumarate-folic acid	50	FLUCELVAX 2024-2025 SUSP ...	67	fluocinolone acetonide SOLN	41
ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML ..	50	FLUCELVAX 2024-2025 SUSY ...	67	fluocinonide CREA 0.05 %	41
ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG	50	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	67	fluocinonide CREA 0.1 %	41
ferrous sulfate TBEC 325 MG	50	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	67	fluocinonide emulsified base	41
fesoterodine fumarate	65	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	67	fluocinonide GEL	41
FETZIMA CP24	14	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	67	fluocinonide OINT	41
FETZIMA TITRATION PACK C4PK 14	14	fluconazole SUSR	18	fluocinonide SOLN	41
finasteride	48	fluconazole TABS	18	fluorometholone (ophth) SUSP	59
fingolimod hcl	62	flucytosine	18	fluorouracil (topical) CREA 5 % ...	39
FIRDAPSE	23	fludarabine phosphate SOLN	24	fluorouracil (topical) SOLN	39
FIRMAGON 80 MG, 120 MG/VIAL	25	fludarabine phosphate SOLR	24	fluorouracil 500 MG/10ML	24
flavoxate hcl	66	fludrocortisone acetate TABS	37	fluoxetine hcl CAPS 10 MG	14
flecainide acetate	9	FLULAVAL 2024-2025 SUSY	67	fluoxetine hcl CAPS 20 MG	13
floxuridine	24	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	67	fluoxetine hcl CAPS 40 MG	14
FLUAD 2024-2025	66	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	67	fluoxetine hcl CPDR	14
FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	66	FLUMIST NASAL VACCINE 2024-2025	67	fluoxetine hcl SOLN	14
FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	66	FLUMIST QUADRIVALENT	67	fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG 14	
FLUARIX 2024-2025 SUSY	67	flunisolide (nasal) 0.025 %	58	fluoxetine hcl TABS 20 MG	14
FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	67	fluocinolone acetonide (otic)	60	fluphenazine hcl CONC	29
FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	67	fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 41		fluphenazine hcl ELIX	30
FLUBLOK 2024-2025 SOSY	67	fluocinolone acetonide CREA 0.025 %	41	fluphenazine hcl SOLN	30
FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-				fluphenazine hcl TABS	30
				flurandrenolide CREA	41
				flurandrenolide LOTN	41
				flurazepam hcl 15 MG, 30 MG	50
				flurbiprofen sodium	60
				flurbiprofen TABS	4

flutamide	25	2024 SUSY	68	FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53
fluticasone furoate-vilanterol	10	FML FORTE SUSP	59	FREESTYLE LIBRE 3 PLUS/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53
fluticasone propionate (inhalation) AEPB	9	FML OINT	59	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53
fluticasone propionate (nasal) SUSP . 58		folic acid TABS	49	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53
fluticasone propionate CREA 0.05 % 41		fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11		FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53
fluticasone propionate hfa	9	fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 11		FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53
fluticasone propionate LOTN	41	fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML .11		FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53
fluticasone propionate OINT	41	fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML . 11		FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	53
fluticasone-salmeterol AEPB	10	FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	43	frovatriptan succinate	54
fluticasone-salmeterol AERO	10	FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT ..43		fulvestrant SOSY	25
fluvastatin sodium CAPS 20 MG ...19		formoterol fumarate NEBU	10	furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML	44
fluvastatin sodium CAPS 40 MG ...19		FORTEO SOPN (teriparatide)	44	furosemide TABS	44
fluvoxamine maleate TABS 100 MG . 14		FOSAMAX PLUS D	44	FUZEON SOLR	30
fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG	14	fosamprenavir calcium TABS	30	FYCOMPA TABS 2 MG	11
FLUZONE 2024-2025 SUSP	67	fosfomycin tromethamine	22	FYCOMPA TABS 4 MG	11
FLUZONE 2024-2025 SUSY	67	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide	20	FYCOMPA TABS 6 MG	11
FLUZONE HIGH-DOSE 2024-2025 SUSY	67	fosinopril sodium	20	FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	11
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022- 2023	67	fosphenytoin sodium	13	gabapentin CAPS	12
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023- 2024	67	FRAGMIN SOSY	11	gabapentin SOLN	12
FLUZONE QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP	67	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	53	gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12	
FLUZONE QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	67	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	53	GALAFOLD	45
FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP	68	FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	galantamine hydrobromide CP24 .	62
FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	68			galantamine hydrobromide SOLN .	62
FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	68			galantamine hydrobromide TABS .	62

GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	61	glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML . 62	granisetron hcl TABS	17
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	61	glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML . 62	GRASTEK SUBL	2
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	61	GLEOSTINE 10 MG	griseofulvin microsize SUSP	18
GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	61	GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	griseofulvin microsize TABS	18
GAMUNEX-C	61	glimepiride 1 MG, 2 MG	griseofulvin ultramicrosize	18
ganciclovir sodium SOLR	31	glimepiride 4 MG	guanfacine hcl (adhd)	1
ganirelix acetate	45	glimepiride 4 MG	guanfacine hcl	20
GARDASIL 9 SUSP	68	glipizide TABS 5 MG, 10 MG	GYNAZOLE-1	69
GARDASIL 9 SUSY	68	glipizide TB24	HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ 40 MG/0.4ML	3
gatifloxacin (ophth)	59	glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG	HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ 40 MG/0.8ML	3
gefitinib	24	glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG	HADLIMA SOSY 40 MG/0.4ML	3
gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG	24	GLUCAGEN DIAGNOSTIC	HADLIMA SOSY 40 MG/0.8ML	3
gemfibrozil TABS	19	glucagon (rdna)	HAEGARDA SOLR SC	49
GENOTROPIN CART SC	45	glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG	HALAVEN (eribulin mesylate)	28
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY 45		glyburide TABS	halcinonide CREA	41
gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %	2	glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG	halobetasol propionate CREA	41
gentamicin sulfate (ophth) OINT	59	glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG	halobetasol propionate OINT	41
gentamicin sulfate (ophth) SOLN	59	glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG	HALOG OINT	41
gentamicin sulfate (topical) CREA	38	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %	haloperidol decanoate	29
gentamicin sulfate (topical) OINT	38	glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML	haloperidol lactate CONC	29
gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML	2	glycopyrrolate TABS 1 MG	haloperidol lactate SOLN	29
GENVOYA	30	glycopyrrolate TABS 2 MG	haloperidol TABS	29
GILOTRIF	24	GLYXAMBI	HAVRIX	68
		GNP PRENATAL TABS	HEALON PRO SOSY	60
		GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	HEMANGEOL SOLN OR	32
		granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML	heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	11
			HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	

11	108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217	hydromorphone hcl LIQD 5
HEPLISAV-B SOSY68	MG/10ML-5 MG/10ML, 325	hydromorphone hcl SOLN IJ 10
HIBERIX SOLR IJ66	MG/15ML-7.5 MG/15ML 6	MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML .
HUMATROPE CART IJ45	6	5
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS	hydrocodone-acetaminophen SOLN .	5
DISEASE STARTER PACK PSKT 80	hydrocodone-acetaminophen TABS	hydromorphone hcl TABS5
MG/0.8ML3	300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300	hydromorphone hcl TB24 32 MG ... 5
HUMIRA PEN AJKT SC 40	MG-7.5 MG7	hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12
MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML3	hydrocodone-acetaminophen TABS	MG, 16 MG5
HUMIRA PEN AJKT SC 80	325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325	hydroxychloroquine sulfate 100 MG
MG/0.8ML3	MG-7.5 MG6	23
HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER	hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200	hydroxychloroquine sulfate 200 MG
AJKT SC3	MG, 5 MG-200 MG7	23
HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC	hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200	hydroxychloroquine sulfate 400 MG
STARTER PACK AJKT SC3	MG7	22
HUMIRA PEN-PS/UV STARTER	hydrocortisone (intrarectal)7	hydroxyurea27
AJKT SC3	hydrocortisone (rectal) EX7	hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML .. 8
HUMIRA PSKT 10 MG/0.1ML, 20	hydrocortisone (topical) CREA 1 %,	hydroxyzine hcl SYRP 8
MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML, 40	2.5 %41	hydroxyzine hcl TABS8
MG/0.8ML3	hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % .	hydroxyzine pamoate CAPS 8
HUMULIN R U-500	41	HYPERSAL NEBU37
(CONCENTRATED) SOLN SC16	hydrocortisone (topical) OINT 1 %,	HYQVIA 61
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN	2.5 %41	ibandronate sodium SOLN 44
SC16	hydrocortisone acetate (rectal)7	ibandronate sodium TABS44
HYCAMTIN CAPS28	hydrocortisone butyrate CREA 41	IBRANCE CAPS26
hydralazine hcl SOLN21	hydrocortisone butyrate OINT 41	IBRANCE TABS 26
hydralazine hcl TABS21	hydrocortisone butyrate SOLN 41	ibuprofen SUSP 100 MG/5ML 4
hydrochlorothiazide CAPS44	hydrocortisone sod succinate 100	ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG .. 4
hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG	MG36	ibuprofen TABS 800 MG4
44	hydrocortisone TABS 36	icatibant acetate SOLN 49
hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50	hydrocortisone vaginal 69	icatibant acetate SOSY49
MG44	hydrocortisone valerate CREA 41	ICLUSIG26
hydrocodone polistirex-	hydrocortisone valerate OINT 41	icosapent ethyl 1 GM 19
chlorpheniramine polistirex SUER .37	hydrocortisone w/acetic acid60	
hydrocodone-acetaminophen SOLN		

idarubicin hcl 20 MG/20ML	26	INSULIN ASPART PENFILL SOCT 16	ISOLYTE-S	55
idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	26	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	isoniazid SOLN	23
IDELVION	48	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	isoniazid SYRP	23
ifosfamide SOLN 1 GM/20ML	23	INSULIN ASPART SOLN IJ	isoniazid TABS	23
ifosfamide SOLR	23	INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG	8
imatinib mesylate	26	INSULIN DEGLUDEC SOLN	isosorbide dinitrate-hydralazine hcl 33	
IMBRUVICA CAPS 140 MG	26	INTELENCE 25 MG	isosorbide mononitrate TABS	8
IMBRUVICA CAPS 70 MG	26	INTRAROSA	isosorbide mononitrate TB24	8
IMBRUVICA SUSP	26	IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	38
IMBRUVICA TABS	26	IOPIDINE	isradipine CAPS	33
imipenem-cilastatin IV	21	IPOLE INACTIVATED IPV	itraconazole CAPS	18
imipramine hcl TABS	14	IPRATROPIUM BROMIDE (NASAL) 0.03 % 58	itraconazole SOLN	18
imipramine pamoate	14	IPRATROPIUM BROMIDE (NASAL) 0.06 % 58	ivabradine hcl TABS	34
imiquimod 5 %	42	IPRATROPIUM BROMIDE SOLN 0.02 % .	ivermectin (pediculicide)	42
IMPAVIDO	21	IPRATROPIUM-BUTEROL SOLN	ivermectin	8
INCRELEX	45	IRBESARTAN	IXEMPRA KIT 15 MG	28
INCRUSE ELLIPTA	9	IRBESARTAN-HYDROCHLOROTHIAZIDE ...	JAKAFI	26
indapamide TABS 1.25 MG	44	IRESSA (gefitinib)	JANSSEN COVID-19 VACCINE ..	68
indapamide TABS 2.5 MG	44	IRINOTECAN HCL 40 MG/2ML, 100 MG/5ML	JANUMET TABS	15
indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG 4		IRRIGATION SOLUTIONS, PHYSIOLOGICAL ..	JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	15
indomethacin CPCP	4	ISENTRESS CHEW	JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	15
INFANRIX	64	ISENTRESS HD TABS	JANUVIA	16
INFLECTRA SOLR	47	ISENTRESS TABS	JARDIANCE	16
INGREZZA CAPS	62	ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	JEVTANA	28
INGREZZA CPPK	62		JIVI	48
INGREZZA CPSP	62		JULUCA	30
INLYTA	24		JYNARQUE TBPB	46
INREBIC	26			
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN . 16				

KALYDECO TABS	63	KIMONO PS LUBRICATED MISC	52	lacosamide TABS	12
KAMELEON LUBRICATED MISC	52	KIMONO PS PLUS		lactated ringer's (irrigation)	56
KANJINTI	24	SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	52	lactated ringer's	55
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	55	KIMONO SENSATION		lactic acid (ammonium lactate) CREA	42
KEPIVANCE 6.25 MG	27	LUBRICATED MISC	52	lactic acid (ammonium lactate) LOTN	42
KESIMPTA	62	KIMONO SENSATION PLUS		12 %	42
ketoconazole (topical) CREA	38	SPERMICIDE LUBRICATED MISC	52	lactulose (encephalopathy)	47
ketoconazole (topical) SHAM 2 %	38	KIMONO SPECIAL DEVI	52	lactulose SOLN	51
ketoconazole	18	KINRIX SUSY	64	lamivudine (hbv) TABS	31
KETONE STRP	43	KISQALI	26	lamivudine SOLN	30
KETONE TEST STRIPS STRP ...	43	KISQALI FEMARA 200 DOSE ...	26	lamivudine TABS 150 MG	30
ketoprofen CAPS 50 MG	4	KISQALI FEMARA 400 DOSE ...	26	lamivudine TABS 300 MG	30
ketorolac tromethamine (ophth) ...	60	KISQALI FEMARA 600 DOSE ...	26	lamivudine-zidovudine	30
ketorolac tromethamine TABS	4	KLARITY-A	59	lamotrigine CHEW 25 MG	12
KETOSTIX STRP	43	KOGENATE FS KIT	48	lamotrigine CHEW 5 MG	12
ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %	60	KOSELUGO	26	lamotrigine TABS	12
60		KOVALTRY	48	lamotrigine TBDP	12
KEVZARA SOAJ	4	KP PRENATAL MULTIVITAMINS		LANOXIN SOLN IJ (digoxin)	33
KEVZARA SOSY	4	TABS	57	LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125	
KIMONO COLORS DEVI	52	KRINTAFEL	23	MCG, 250 MCG (digoxin)	33
KIMONO LUBRICATED MISC	52	K-Y ME & YOU EXTRA		lansoprazole CPDR 15 MG	65
KIMONO MAXX/LARGE FLARE		LUBRICATED DEVI	52	lansoprazole CPDR 30 MG	65
MISC	52	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI ...	52	lanthanum carbonate CHEW	47
KIMONO MICRO THIN PLUS		KYLEENA	36	lapatinib ditosylate	26
SPERMICIDE LUBRICATED MISC		KYPROLIS	26	LASTACAFT	60
52		labetalol hcl SOLN	32	latanoprost SOLN	60
KIMONO PLUS SPERMICIDE		labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG .	32	leflunomide	4
LUBRICATED MISC	52	32		lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG,	
KIMONO PLUS		labetalol hcl TABS 300 MG	32	15 MG, 25 MG	56
SPERMICIDE/LUBRICATED MISC		lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML .		lenalidomide 20 MG	56
52		12			

LENVIMA 10 MG DAILY DOSE ...24	18	lincomycin hcl 22
LENVIMA 12MG DAILY DOSE ...24	levofloxacin (ophth) 0.5 % 59	linezolid SUSR22
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE ...24	levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML47	linezolid TABS 22
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE ...24	levofloxacin SOLN OR47	LINZESS 47
LENVIMA 20 MG DAILY DOSE ...24	levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG . 47	liothyronine sodium SOLN64
LENVIMA 24 MG DAILY DOSE ...24	levofloxacin TABS 500 MG47	liothyronine sodium TABS 64
LENVIMA 4 MG DAILY DOSE24	levonorgestrel & eth estradiol TABS 35	lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1 1
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE24	levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG 36	lisdexamfetamine dimesylate CHEW . 1
letrozole 25	levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)35	lisinopril & hydrochlorothiazide20
leucovorin calcium SOLR27	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91- day) 0.03 MG-0.15 MG 35	lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG 20
leucovorin calcium TABS 28	levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous) 35	lithium 29
LEUKERAN 23	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 35	lithium carbonate CAPS 29
LEUKINE SOLR IJ49	levorphanol tartrate TABS 2 MG ...5	lithium carbonate TABS29
leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML25	LEXIVA SUSP 30	lithium carbonate TBCR 29
levabuterol hcl 10	lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %51	LO LOESTRIN FE TABS 35
levabuterol tartrate10	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ...56	lofexidine hcl 62
LEVEMIR FLEXPEN SOPN 100 UNIT/ML16	lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ...56	LOKELMA56
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN ...16	lidocaine hcl GEL 2 % 42	loperamide hcl CAPS 2 MG17
LEVEMIR SOLN 16	lidocaine hcl PRSY42	lopinavir-ritonavir SOLN 30
levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML 12	lidocaine hcl SOLN42	lopinavir-ritonavir TABS30
levetiracetam TABS 1000 MG12	lidocaine PTCH 5 %42	loratadine CAPS 18
levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG 12	lidocaine-prilocaine CREA42	loratadine CHEW18
levetiracetam TABS 500 MG 12	LILETTA 20.1 MCG/DAY 36	loratadine SOLN 18
levetiracetam TB24 12		loratadine TABS18
levobunolol hcl 0.5 % 59		loratadine TBDP 18
levocetirizine dihydrochloride SOLN 18		lorazepam CONC 8
levocetirizine dihydrochloride TABS		lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG 8
		lorazepam TABS 1 MG 8
		LORBRENA 26

losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG	21	LYSODREN	25	MEKTOVI	26
losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG . 20		mafenide acetate PACK	40	meloxicam TABS 7.5 MG, 15 MG ..	4
losartan potassium	20	magnesium sulfate IJ 50 %	55	melphalan	23
LOTEMAX OINT	59	malathion	42	melphalan hcl IV	23
loteprednol etabonate GEL	60	maraviroc TABS 150 MG	30	memantine hcl TABS	62
loteprednol etabonate SUSP	60	maraviroc TABS 300 MG	30	MENACTRA	66
lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ...	19	MARPLAN	13	MENEST	46
lovastatin TABS 40 MG	19	MASONATAL TABS	57	MENOSTAR PTWK	46
loxapine succinate	29	MATULANE	27	MENQUADFI	66
lubiprostone	47	MAXIDEX SUSP OP	60	MENVEO SOLN	66
LUCEMYRA (lofexidine hcl)	62	MAXX LUBRICATED MISC	52	MENVEO SOLR	66
luliconazole	38	MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	52	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML	5
LUMIZYME	45	meclizine hcl TABS 12.5 MG	17	meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML	5
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	25	meclizine hcl TABS 25 MG	17	meperidine hcl TABS 50 MG	5
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	25	meclofenamate sodium CAPS	4	meprobamate	8
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM .	25	MEDROL TABS	36	mercaptopurine TABS	24
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM .	25	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM	36	meropenem	21
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) .	45	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM	36	mesalamine CP24	47
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	45	medroxyprogesterone acetate 10 MG	61	mesalamine CPDR	47
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	45	medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG	61	mesalamine ENEM	47
lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG	29	mefenamic acid CAPS	4	mesalamine SUPP	47
lurasidone hcl 80 MG	29	mefloquine hcl	23	mesalamine TBEC 1.2 GM	47
LYNPARZA TABS	26	megestrol acetate (appetite)	61	mesalamine TBEC 800 MG	47
		megestrol acetate SUSP	25	metaxalone 800 MG	58
		megestrol acetate TABS	25	metformin hcl TABS 1000 MG	15
		MEKINIST SOLR	26	metformin hcl TABS 500 MG	15
		MEKINIST TABS	26	metformin hcl TABS 850 MG	15
				metformin hcl TB24 500 MG	16
				metformin hcl TB24 750 MG	15

methadone hcl CONC	5	methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG	2	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG	21
methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML	.5	methylphenidate hcl CP24 30 MG ..	2	metoprolol succinate TB24 200 MG	32
METHADONE HCL SOLN IJ	5	methylphenidate hcl CP24	2	metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG	32
methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML	5	methylphenidate hcl CPR	2	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML	32
methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML	5	methylphenidate hcl SOLN	2	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG	32
methadone hcl TABS 10 MG	5	methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG	2	metronidazole (topical) CREA	42
methadone hcl TABS 5 MG	5	methylphenidate hcl TABS 5 MG ...	2	metronidazole (topical) GEL 0.75 %	42
methadone hcl TBSO	5	methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG	2	metronidazole (topical) GEL 1 % ..	42
methamphetamine hcl	1	methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG	2	metronidazole (topical) LOTN	42
methazolamide TABS	44	methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG	2	metronidazole TABS	21
methenamine hippurate	22	methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG	2	metronidazole vaginal	69
methimazole TABS	64	methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG	2	mexiletine hcl	9
METHITEST TABS	7	methylphenidate PTCH	2	micafungin sodium	18
methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG	58	methylprednisolone acetate SUSP	36	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG	69
METHOTREXATE	3	methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG	36	midodrine hcl	69
methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML	24	methylprednisolone TABS	36	miglitol	15
methotrexate sodium SOLR	24	methylprednisolone TBPK 4 MG ..	36	miglustat	49
methotrexate sodium TABS 2.5 MG	24	metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML	47	minocycline hcl CAPS	64
methoxsalen rapid	39	metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	47	minocycline hcl TABS	64
methscopolamine bromide	65	metoclopramide hcl TABS	47	minoxidil 2.5 MG, 10 MG	21
methsuximide	13	metolazone	44	MIRCERA	49
methyldopa TABS	20	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG	21	MIRENA 20 MCG/DAY	36
methylphenidate hcl CHEW 10 MG	.2			mirtazapine TABS 15 MG	13
methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG	2			mirtazapine TABS 30 MG	13
methylphenidate hcl CHEW 5 MG ..	2			mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG	13
methylphenidate hcl CP24 10 MG, 60 MG	2				

mirtazapine TBDP 15 MG13	morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG5	nafcillin sodium IV 10 GM61
mirtazapine TBDP 30 MG13	morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML5	naftifine hcl CREA 1 %39
mirtazapine TBDP 45 MG13	morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML6	naftifine hcl CREA 2 %38
misoprostol65	morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML6	NAGLAZYME45
mitomycin SOLR IV 20 MG26	morphine sulfate TABS6	nalbuphine hcl7
mitoxantrone hcl 2 MG/ML26	morphine sulfate TBCR 15 MG, 30 MG, 60 MG, 100 MG, 200 MG6	naloxone hcl LIQD17
M-M-R II SOLR68	MOTOFEN17	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML17
M-NATAL PLUS TABS57	MOVANTIK47	naltrexone hcl17
modafinil 100 MG2	moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP 59	naproxen sodium TABS 550 MG ...4
modafinil 200 MG2	moxifloxacin hcl in sodium chloride 47	naproxen SUSP4
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP68	moxifloxacin hcl TABS47	naproxen TABS4
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP . 68	MOZOBIL (plerixafor)50	naproxen TBEC 500 MG4
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2024-25 SUSY . 68	MULPLETA49	naratriptan hcl54
MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/6MO-5Y ...68	MULTI PRENATAL TABS57	NATACYN59
MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5 .68	mupirocin OINT38	NATAZIA35
MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP68	MVASI24	nateglinide16
moexipril hcl20	MYALEPT45	NAYZILAM11
mometasone furoate (nasal) SUSP 58	mycophenolate mofetil CAPS56	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 32
mometasone furoate CREA41	mycophenolate mofetil TABS56	nebivolol hcl 20 MG32
mometasone furoate OINT41	mycophenolate sodium 180 MG, 360 MG56	NEBUSAL NEBU37
mometasone furoate SOLN41	MYLERAN TABS23	nefazodone hcl14
montelukast sodium CHEW9	nabumetone4	nelarabine24
montelukast sodium PACK9	nadolol TABS 20 MG32	neomycin sulfate TABS2
montelukast sodium TABS9	nadolol TABS 40 MG32	neomycin-bacitracin zn-polymyxin 59
	nadolol TABS 80 MG32	neomycin-polymy-dexameth OINT 60
		neomycin-polymy-dexameth SUSP 60
		neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...60
		neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN .

60	nicardipine hcl SOLN	33	NITROGLYCERIN SOLN IV	8
neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP	nicotine MISC XX	63	nitroglycerin SUBL	8
60	nicotine polacrilex GUM	63	NIVA-PLUS TABS	57
NEONATAL COMPLETE TABS 120	nicotine polacrilex LOZG	63	nizatidine CAPS	65
MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10	nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14		NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30	
MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-	MG/24HR, 21 MG/24HR	63	MG/3ML	45
27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2	NICOTINE TRANSDERMAL		NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5	
MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	SYSTEM KIT	63	MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15	
NEONATAL PLUS TABS	NICOTROL INHALER INHA	63	MG/1.5ML	45
NEONATAL PRENATAL VITAMIN	NICOTROL NS SOLN	63	norelgestromin-ethinyl estradiol	35
TABS	nifedipine CAPS 10 MG	33	norethin acet & estrad-fe CAPS	35
NEONATAL VITAMIN TABS	nifedipine CAPS 20 MG	33	norethin acet & estrad-fe CHEW	35
neostigmine methylsulfate SOSY	nifedipine TB24 30 MG, 60 MG, 90	33	norethin acet & estrad-fe TABS 1	
NEO-SYNALAR	MG	33	MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30	
NEUPRO	nifedipine TB24 60 MG	33	MCG-75 MG	35
NEVANAC	nifedipine TB24 90 MG	33	norethindrone & eth estradiol	35
nevirapine SUSP	nilutamide	25	norethindrone & ethinyl estradiol-fe	35
nevirapine TABS	nimodipine CAPS	33	norethindrone (contraceptive)	36
nevirapine TB24 100 MG	NINLARO	26	norethindrone acet & eth estra TABS	35
nevirapine TB24 400 MG	NIPENT	27	norethindrone acetate TABS	61
NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole	nisoldipine	33	norethindrone acetate-ethinyl	
magnesium)	nitazoxanide TABS	21	estradiol	46
NEXPLANON	nitisinone CAPS	45	norethindrone acetate-ethinyl	
NEXTSTELLIS	NITRO-BID OINT	8	estradiol-fe	35
niacin (antihyperlipidemic) TBCR	nitrofurantoin	22	norethindrone-eth estradiol (triphasic)	35
niacin CPCR 250 MG, 500 MG	nitrofurantoin macrocrystal 50 MG,			
niacin TABS	100 MG	22	norgestimate-ethinyl estradiol	35
niacin TBCR	nitrofurantoin monohyd macro 100		(triphasic)	35
NIACIN TR TBCR	MG	22	norgestimate-ethinyl estradiol	35
niacinamide TABS 100 MG	nitroglycerin (intra-anal)	7	norgestrel & ethinyl estradiol 30	
niacinamide TABS 500 MG	nitroglycerin CPCR	8	MCG-0.3 MG	35
nicardipine hcl CAPS	nitroglycerin PT24	8	NORMOSOL-M/D5W	55

NORMOSOL-R	55	NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	9	hydrochlorothiazide	21
nortriptyline hcl CAPS	14	NUCYNTA ER TB12	6	olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide	21
nortriptyline hcl SOLN	14	NUCYNTA TABS	6	olopatadine hcl (nasal)	58
NORVIR CAPS	31	NUEDEXTA	63	olopatadine hcl 0.1 %	60
NORVIR PACK	31	NULOJIX	56	olopatadine hcl 0.2 %	60
NORVIR SOLN	31	nystatin (mouth-throat)	56	omega-3-acid ethyl esters	19
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	43	nystatin (topical) CREA	39	omeprazole CPDR	65
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	68	nystatin (topical) OINT	39	omeprazole magnesium CPDR ...	65
NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	68	nystatin (topical) POWD EX	39	omeprazole TBEC	65
NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	68	nystatin TABS	18	omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG	65
NOVOEIGHT	48	nystatin-triamcinolone CREA	39	OMNIFLEX DIAPHRAGM	52
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	16	nystatin-triamcinolone OINT	39	ONCASPAR	27
NOVOLIN 70/30 SUSP	16	NYVEPRIA	49	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML .	17
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	16	octreotide acetate KIT	46	ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML	17
NOVOLIN N SUSP	16	octreotide acetate SOLN	46	ondansetron hcl SOSY	17
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..	16	ODEFSEY	31	ondansetron hcl TABS 24 MG	17
NOVOLIN R SOLN IJ	16	ODOMZO	25	ondansetron hcl TABS 4 MG	17
NOXAFIL SUSP (posaconazole) ..	18	OFEV	63	ondansetron hcl TABS 8 MG	17
NP THYROID 120 TABS	64	ofloxacin (ophth)	59	ondansetron TBDP 4 MG	17
NP THYROID 15 TABS	64	ofloxacin (otic)	60	ondansetron TBDP 8 MG	17
NP THYROID 30 TABS	64	ofloxacin 300 MG, 400 MG	47	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	57
NP THYROID 60 TABS	64	OGIVRI	24	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	57
NP THYROID 90 TABS	64	olanzapine SOLR	29	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE	53
NUBEQA	25	olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ..	29	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G	53
NUCALA SOAJ	9	olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	29	OPILL	36
NUCALA SOLR	9	olanzapine TBDP 20 MG	29		
NUCALA SOSY 100 MG/ML	9	olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	29		
		olmesartan medoxomil	20		
		olmesartan medoxomil-amlodipine-			

OPSUMIT	33	40 MG, 80 MG	6	pantoprazole sodium TBEC 40 MG	65
ORENITRAM TBCR	33	oxycodone hcl TABS 5 MG, 10 MG,		PARAGARD INTRAUTERINE	
ORLISSA	45	15 MG, 20 MG, 30 MG	6	COPPER CONTRACEPTIVE T380A	
ORKAMBI PACK	63	oxycodone w/ acetaminophen TABS		35
ORKAMBI TABS	63	325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325		paricalcitol CAPS	45
ORLADEYO	49	MG-7.5 MG	7	paricalcitol SOLN	45
orphenadrine citrate TB12	58	oxycodone w/ acetaminophen TABS		paroxetine hcl SUSP	14
oseltamivir phosphate CAPS	32	325 MG-2.5 MG	7	paroxetine hcl TABS 10 MG	14
oseltamivir phosphate SUSR	32	oxymorphone hcl TABS	6	paroxetine hcl TABS 20 MG	14
OSMOPREP	51	oxymorphone hcl TB12 40 MG	6	paroxetine hcl TABS 30 MG	14
OSPHENA	45	oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5		paroxetine hcl TABS 40 MG	14
OTEZLA TABS	4	MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 6		paroxetine hcl TABS 40 MG	14
OTEZLA TBPK	4	OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	16	paroxetine hcl TB24 12.5 MG	14
oxacillin sodium IV 10 GM	61	OZEMPIC SOPN 2 MG/3ML, 4		paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG	
oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100		MG/3ML, 8 MG/3ML	16	14
MG/20ML	23	paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML,		PASER PACK	23
oxandrolone	7	150 MG/25ML	28	pazopanib hcl	26
oxaprozin TABS	4	paclitaxel protein-bound particles	.28	PEDIARIX SUSY	64
oxazepam CAPS	8	paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG	.29	pediatric multivitamins w/fl CHEW	.57
OXBRYTA TABS 500 MG	49	paliperidone 6 MG	29	PEDVAX HIB SUSP 7.5 MCG/0.5ML	66
oxcarbazepine SUSP	12	palonosetron hcl SOLN	17	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na	
oxcarbazepine TABS 150 MG, 300		pamidronate disodium SOLN 30		ascorbate-ascorbic acid	50
MG	12	MG/10ML, 90 MG/10ML	44	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod	
oxcarbazepine TABS 600 MG	12	PAMIDRONATE DISODIUM SOLN		chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-	
oxiconazole nitrate CREA	39	44		2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM	
OXISTAT LOTN	39	PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-		51
oxybutynin chloride SOLN	65	97300 UNIT-37000 UNIT, 15200		peg 3350-potassium chloride-sod	
oxybutynin chloride TABS 5 MG ...	65	UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600		bicarbonate-sod chloride	51
oxybutynin chloride TB24 5 MG, 10		UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500		PEGASYS SOLN	31
MG, 15 MG	65	UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT,		PEGASYS SOSY	31
oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG,		83900 UNIT-54700 UNIT-21000		PEMAZYRE	26
65		UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-		pemetrexed disodium SOLR 500 MG	
		16800 UNIT	43	24	
		PANRETIN	39		
		pantoprazole sodium TBEC 20 MG			
		65			

penciclovir	40	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	68	PIFELTRO	31
penicillamine CAPS	56	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	68	pilocarpine hcl (oral)	57
penicillamine TABS	56	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP	68	pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % ..	59
penicillin g potassium 5000000 UNIT 61		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP ..	68	pimecrolimus	42
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	61	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/5-11Y ...	68	pimozide	63
PENICILLIN G PROCAINE	61	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/6M-4Y ...	68	pindolol TABS	32
penicillin g sodium	61	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5	68	pioglitazone hcl	16
penicillin v potassium SOLR	61	68		pioglitazone hcl-glimepiride	15
penicillin v potassium TABS	61	PHEBURANE PLLT	45	pioglitazone hcl-metformin hcl TABS .	15
PENTACEL	64	phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG	48	piperacillin sodium-tazobactam sodium	61
pentazocine w/ naloxone hcl	7	phendimetrazine tartrate TABS	1	PIQRAY 200MG DAILY DOSE ...	27
pentoxifylline	49	phenelzine sulfate	13	PIQRAY 250MG DAILY DOSE ...	27
perindopril erbumine 2 MG, 8 MG .	20	phenobarbital ELIX	50	PIQRAY 300MG DAILY DOSE ...	27
perindopril erbumine 4 MG	20	phenobarbital TABS	50	pirfenidone CAPS	63
PERJETA	24	phenobarbital TABS	50	pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG	63
permethrin CREA	43	phenoxybenzamine hcl	20	63	
permethrin LIQD EX	43	phentermine hcl CAPS	1	pirfenidone TABS 534 MG	63
perphenazine TABS	30	phenytoin CHEW	13	piroxicam CAPS	4
perphenazine-amitriptyline	62	phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG	13	PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) ..	55
PERSERIS PRSY	29	phenytoin sodium SOLN	13	PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148)	55
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	68	phenytoin SUSP	13	55
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	68	PHEXXI	69	PLEGRIDY SOAJ SC	63
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	68	PHOSLYRA SOLN	47	PLEGRIDY SOSY SC	63
68		PHOTOFRIN	27	PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2024-25 SUSP	68			SC	62
68				PLEGRIDY STARTER PACK SOSY	
				SC	62
				plerixafor	50
				PNEUMOVAX 23 IJ	66

PNEUMOVAX 23/1 DOSE IJ	66	CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	55	prednisolone TABS	36
podofilox SOLN	42	POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl)	55	prednisone SOLN	36
polymyxin b sulfate SOLR	22	potassium citrate (alkalinizer) TBCR	48	prednisone TABS 1 MG, 5 MG	36
polymyxin b-trimethoprim	59	potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML	55	prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG	36
POMALYST	25	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	38	prednisone TBPK	36
posaconazole SUSP	18	pralatrexate 20 MG/ML	24	PREFEST	46
potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML	55	pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG	28	pregabalin (once-daily) 330 MG	63
potassium bicarbonate TBEF	55	pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG	28	pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG	63
potassium chloride CPCR	55	prasugrel hcl	49	pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG	12
potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	55	pravastatin sodium	19	pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG	12
potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L	55	praziquantel	8	pregabalin SOLN	12
potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %	55	prazosin hcl CAPS	20	PREHEVBRIO	68
potassium chloride microencapsulated crystals er 10 MEQ, 15 MEQ, 20 MEQ	55	PRECISION XTRA	43	PREMARIN	69
potassium chloride PACK OR 20 MEQ	55	PRED MILD	60	PREMARIN SOLR	46
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride)	55	PRED-G SUSP	60	PREMARIN TABS	46
potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML	55	prednicarbate OINT	41	PREMPHASE	46
potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ	56	prednisolone acetate (ophth)	60	PREMPRO	46
POTASSIUM		PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	60	PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	57
Index 27		prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML	36	PRENATAL ONE DAILY TABS	57
		prednisolone sodium phosphate TBCR	36	PRENATAL PLUS TABS	57
		prednisolone SOLN	36	PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS	57
				PRENATAL TABS	57
				PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	57
				PRENATAL VITAMIN TABS	57
				PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	57

PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	57	PROGRAF PACK	56	pyrimethamine	23
PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	57	PROGRAF SOLN	56	QC PRENATAL TABS	58
PRENATRIX TABS	57	PROLASTIN-C SOLN	63	QINLOCK	27
PRENATRYL TABS	58	PROLEUKIN	27	QUADRACEL SUSP	64
PREVNAR 13	66	PROLIA SOSY	44	QUADRACEL SUSY	64
PREVNAR 20	66	PROMACTA PACK	50	quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG	29
PREZCOBIX	31	PROMACTA TABS	50	quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG	29
PREZISTA SUSP	31	promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML	19	quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG	29
PREZISTA TABS (darunavir)	31	promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG	19	quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG	29
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	31	promethazine hcl SUPP 50 MG ...	19	quinapril hcl 20 MG, 40 MG	20
PRIFTIN	23	promethazine hcl TABS	19	quinapril hcl 5 MG, 10 MG	20
primaquine phosphate TABS	23	propafenone hcl CP12	9	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG	21
primidone 50 MG, 250 MG	12	propafenone hcl TABS	9	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG	21
PRIORIX SUSR	68	propranolol hcl	59	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG	21
PROAIR DIGIHALER	10	propranolol hcl CP24	32	quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG	21
PROAIR RESPICLICK AEPB	10	propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML	32	quinidine sulfate TABS	8
probenecid	48	propranolol hcl TABS	32	quinine sulfate CAPS 324 MG	23
procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 8		propylthiouracil	64	QUZYTIR SOLN IV	19
prochlorperazine	30	protriptyline hcl	14	QVAR REDIHALER	9
prochlorperazine maleate TABS ..	30	PROVISC SOSY	60	RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	58
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	49	PULMICORT FLEXHALER AEPB ..	9	RA PRENATAL TABS	58
PROCRIT 40000 UNIT/ML	49	PULMOZYME	63	rabeprazole sodium TBEC	65
progesterone CAPS	61	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	58	raloxifene hcl	45
		pyrazinamide	23	ramelteon	50
		pyridostigmine bromide SOLN OR	23	ramipril CAPS	20
		pyridostigmine bromide TABS 60 MG	23	ranitidine hcl TABS 150 MG	65
		pyridostigmine bromide TBCR	23		

ranolazine TB12 1000 MG	8	repaglinide 2 MG	16	risperidone TBDP	29
ranolazine TB12 500 MG	8	REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM		ritonavir TABS	31
rasagiline mesylate	28	SOCT	19	rivastigmine tartrate CAPS	62
REALITY LATEX		REPATHA SOSY	19	rizatriptan benzoate TABS 10 MG	.54
CONDOMS/LUBRICATED MISC	.52	REPATHA SURECLICK SOAJ	19	rizatriptan benzoate TABS 5 MG	.54
REALITY LATEX/ULTRA		RETACRIT	50	rizatriptan benzoate TBDP 10 MG	.54
TEXTURED DEVI	52	RETEVMO CAPS	27	rizatriptan benzoate TBDP 5 MG	.54
REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	52	RETROVIR IV INFUSION SOLN	31	roflumilast	9
REBIF REBIDOSE SOAJ	63	REXULTI	30	romidepsin SOLR	27
REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK		ribavirin (hepatitis c) CAPS	31	ropinirole hydrochloride TABS	28
SOAJ	63	ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG	31	ropinirole hydrochloride TB24 2 MG,	
REBIF SOSY	63	31		4 MG, 6 MG	28
REBIF TITRATION PACK SOSY	63	RIDAURA	3	ropinirole hydrochloride TB24 8 MG,	
RECOMBIVAX HB SUSP 5		rifabutin	23	12 MG	28
MCG/0.5ML, 10 MCG/ML, 40		rifampin CAPS	23	rosuvastatin calcium TABS	19
MCG/ML	69	rifampin SOLR	23	ROTARIX SUSP	69
RECOMBIVAX HB SUSY	69	riluzole TABS	58	ROTARIX SUSR	69
RECTIV (nitroglycerin (intra-anal))	7	rimantadine hydrochloride TABS	32	ROTATEQ SOLN	69
REGRANEX	43	ringer's	55	ROZLYTREK CAPS	27
RELENZA DISKHALER	32	ringer's irrigation	56	RUBRACA	27
RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES		RINVOQ TB24	3	rufinamide SUSP	12
30G	53	risedronate sodium TABS 150 MG	44	rufinamide TABS 200 MG	12
RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE		risedronate sodium TABS 35 MG	44	rufinamide TABS 400 MG	12
25G	53	risedronate sodium TABS 5 MG, 30		RUKOBIA	31
RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE		MG	44	RUXIENCE	24
30G	53	risedronate sodium TBEC	44	RYBELSUS TABS	16
RELION KETONE TEST STRIPS		RISPERDAL CONSTA (risperidone		salsalate	5
STRP	43	microspheres)	29	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	
RELION TRUE METRIX		risperidone microspheres	29	(octreotide acetate)	46
BLOODGLUCOSE TEST STRIPS		risperidone SOLN	29	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	.46
STRP	43	risperidone TABS	29	SANTYL OINT	42
RENFLEXIS	47				
repaglinide 0.5 MG, 1 MG	16				

sapropterin dihydrochloride PACK .45	hypertension) SOLN 34	MG, 1 MG, 2.2 MG 55
sapropterin dihydrochloride TABS .45	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR 34	sodium phenylbutyrate POWD 45
SAVELLA TABS 62	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS 34	sodium phenylbutyrate TABS 45
SAVELLA TITRATION PACK MISC 62	sildenafil citrate 33	sodium polystyrene sulfonate POWD 56
saxagliptin hcl 16	silodosin 48	sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML 56
saxagliptin-metformin hcl 1000 MG- 2.5 MG 15	silver sulfadiazine 40	sodium sulfate-potassium sulfate- magnesium sulfate 51
saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG 15	SIMPONI ARIA SOLN 3	SOFOSBUVIR/VELPATASVIR TABS 31
SCSEMBLIX 100 MG 27	SIMULECT 56	solifenacin succinate TABS 65
SCSEMBLIX 20 MG 27	simvastatin TABS 19	SOLQUA 100/33 15
SCSEMBLIX 40 MG 27	sirolimus TABS 56	SOLOSEC 2
scopolamine 17	SIRTURO 23	SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG 37
SELECT INSULIN SYRINGES 53	SIVEXTRO TABS 22	SOLU-CORTEF 250 MG 36
SELECT LANCETS 53	SKYLA 36	SOLU-MEDROL 2 GM 37
selegiline hcl CAPS 29	SKYRIZI PEN SOAJ 40	SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG . 45
selegiline hcl TABS 29	SKYRIZI PSKT 40	sorafenib tosylate 27
selenium sulfide LOTN 2.5 % 40	SKYRIZI SOCT 47	SORBITOL 3 % 48
SELZENTRY SOLN 31	SKYRIZI SOLN 47	SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION 48
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG 31	SKYRIZI SOSY 40	sotalol hcl (afib/afI) 32
SEREVENT DISKUS 10	SLYND 36	sotalol hcl TABS 240 MG 32
sertraline hcl CONC 14	SM PRENATAL VITAMINS TABS .58	sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG 32
sertraline hcl TABS 100 MG 14	SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate) 55	SOVALDI TABS 200 MG 31
sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG 14	sodium acetate SOLN 55	SOVALDI TABS 400 MG 31
sevelamer carbonate PACK 48	sodium chloride (gu irrigant) 0.9 % 48	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP 69
sevelamer carbonate TABS 48	sodium chloride (inhalant) NEBU 7 % 37	SPIKEVAX COVID-19
SHINGRIX 69	sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 % 56	
SIGNIFOR 46	sodium citrate & citric acid 48	
sildenafil citrate (pulmonary	sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5	

VACCINE/2023-24 SUSP	69	MCG, 1600 MCG	6	MG/0.5ML	54
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	69	sucralfate SUSP	65	sumatriptan succinate TABS	54
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	69	sucralfate TABS	65	sumatriptan-naproxen sodium	54
spinosad	43	sulconazole nitrate CREA	39	sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	27
SPIRIVA HANDIHALER CAPS (tiotropium bromide monohydrate) ..	9	sulconazole nitrate SOLN	39	sunitinib malate 37.5 MG	27
SPIRIVA RESPIMAT AERS	9	sulfacetamide sodium (acne)	38	SUNOSI 150 MG	1
spironolactone & hydrochlorothiazide	44	sulfacetamide sodium (ophth) SOLN . 59		SUNOSI 75 MG	1
spironolactone TABS	44	sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	38	SYNAREL	45
SPRAVATO 56MG DOSE	13	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	38	SYNERA PTCH	42
SPRAVATO 84MG DOSE	13	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	38	SYNJARDY TABS	15
SPRYCEL (dasatinib)	27	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	38	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	15
stannous fluoride CONC	57	sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %	38	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	15
stavudine CAPS	31	sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	60	SYNRIBO	27
STELARA 130 MG/26ML	47	sulfadiazine TABS	63	SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	64
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML ...	40	sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	21	TABLOID	24
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	40	sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	21	TABRECTA	27
STELARA SOSY 90 MG/ML	40	sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	21	tacrolimus (topical) OINT	42
STENDRA	33	SULFAMILYLON CREA	40	tacrolimus CAPS	56
STIOLTO RESPIMAT	10	sulfasalazine TABS	47	tadalafil (pulmonary hypertension) TABs	34
STIVARGA	27	sulfasalazine TBEC	47	tadalafil 5 MG	33
STRENSIQ	46	sulindac TABS	4	TAFINLAR CAPS	27
streptomycin sulfate SOLR	2	sumatriptan	54	TAFINLAR TBSO	27
STRIBILD	31	sumatriptan succinate SOAJ	54	tafluprost	60
STRIVERDI RESPIMAT	10	sumatriptan succinate SOCT	54	TAGRISSE 40 MG	24
SUBSYS LIQD 100 MCG	6	sumatriptan succinate SOLN 6		TAGRISSE 80 MG	24
SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	6			TAKHZYRO SOLN	49
SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200					

TAKHZYRO SOSY	49	terbutaline sulfate TABS	10	TIBSOVO	27
TALZENNA	27	terconazole vaginal CREA	69	tigecycline	64
tamoxifen citrate TABS	25	terconazole vaginal SUPP	69	timolol maleate (ophth) SOLG	59
tamsulosin hcl	48	teriflunomide	63	timolol maleate (ophth) SOLN	59
TASIGNA 150 MG, 200 MG	27	teriparatide SOPN	44	timolol maleate TABS	32
TASIGNA 50 MG	27	TERIPARATIDE SOPN	45	tiopronin TBEC 100 MG	48
tavaborole	39	TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	7	tiopronin TBEC 300 MG	48
TAVALISSE	49	testosterone cypionate SOLN IM 100 MG/ML, 200 MG/ML	7	tiotropium bromide monohydrate CAPS	9
tazarotene CREA 0.1 %	40	testosterone enanthate SOLN IM ...	7	TIVICAY TABS	31
TAZVERIK	27	TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS- ADSORBED ADULT SUSP	64	tizanidine hcl CAPS	58
TDVAX SUSP	64	tetrabenazine	62	tizanidine hcl TABS	58
TEFLARO	35	tetracycline hcl CAPS	64	tobramycin (ophth) SOLN	59
TEGRETOL SUSP (carbamazepine) . 12		thalomid	56	tobramycin NEBU 300 MG/5ML	2
TEGRETOL TABS (carbamazepine) . 12		theophylline ELIX	10	tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML	2
TEGSEDI	63	theophylline SOLN	10	tobramycin-dexamethasone SUSP 60	
telmisartan	20	theophylline TB12	10	TODAY SPONGE MISC	69
telmisartan-amlodipine	21	theophylline TB24	10	tolcapone	28
telmisartan-hydrochlorothiazide ...	21	THERANATAL CORE NUTRITION TABs	58	tolmetin sodium CAPS	4
temazepam 15 MG, 30 MG	50	THIOLA EC TBEC 100 MG (tiopronin)	48	tolmetin sodium TABS 600 MG	4
temazepam 7.5 MG, 22.5 MG	50	THIOLA EC TBEC 300 MG (tiopronin)	48	TOLSURA CAPS	18
TEMODAR SOLR	23	thioridazine hcl	30	tolterodine tartrate CP24	66
temozolomide CAPS	23	thiotepa 15 MG	23	tolterodine tartrate TABS	66
temsirolimus	27	thiothixene	30	tolvaptan TABS	46
TENIVAC INJ	64	THYMOGLOBULIN	56	topiramate CPSP 15 MG	12
tenofovir disoproxil fumarate TABS 31		THYROGEN 0.9 MG	43	topiramate CPSP 25 MG	12
terazosin hcl	20	tiagabine hcl	12	topiramate CS24	12
terbinafine hcl TABS	18			topiramate TABS 200 MG	12
terbutaline sulfate SOLN	10			topiramate TABS 25 MG, 100 MG .	12

topiramate TABS 50 MG	12	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	38	trihexyphenidyl hcl SOLN	28
topotecan hcl SOLN	28	tretinoin microsphere 0.1 %	38	trihexyphenidyl hcl TABS	28
topotecan hcl SOLR	28	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	24	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG- 12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG .	15
toremifene citrate	25	triamcinolone acetonide (mouth) ..	57	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	15
toremide TABS	44	triamcinolone acetonide (nasal) AERO	58	TRIKAFTA TBPK	63
TRACLEER TBSO	33	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %	42	trimethobenzamide hcl CAPS	17
tramadol hcl TABS 50 MG	6	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %	42	trimethoprim TABS	21
tramadol hcl TB24	6	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %	42	trimipramine maleate CAPS	15
tramadol-acetaminophen	7	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %	42	TRINTELLIX	14
trandolapril 1 MG, 2 MG	20	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %	42	TRIUMEQ TABS	31
trandolapril 4 MG	20	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %	42	TRIZIVIR	31
trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG	21	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %	42	TROJAN MAGNUM MISC	52
trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG	21	triamcinolone acetonide (topical) SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML	37	TROJAN ULTRA THIN LUBRICATED MISC	52
tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML	50	triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG	44	TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL LUBRICANT MISC	52
tranexamic acid TABS	50	triamterene & hydrochlorothiazide TABS	44	TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC 52	
tranylcypromine sulfate	13	triamterene CAPS	44	TROJAN-ENZ W/SPERMICIDAL MISC	52
travoprost SOLN	60	triazolam	50	tropicamide SOLN 0.5 %	59
TRAZIMERA	24	TRICARE TABS	58	tropicamide SOLN 1 %	59
trazodone hcl TABS	14	trientine hcl 250 MG	56	tropium chloride CP24	66
TRECTOR	23	trifluoperazine hcl TABS	30	tropium chloride TABS	66
TRELEGY ELLIPTA	10	trifluridine	59	TRUE COVER DEVI	52
TRELSTAR MIXJECT	25			TRUE METRIX BLOOD GLUCOSETEST STRIPS STRP ..	43
TREMFYA SOAJ 100 MG/ML	40			TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	53
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	40			TRUE METRIX SELF MONITORING	
treprostinil SOLN IJ	33				
tretinoin (chemotherapy)	27				
tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %	38				

BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP 43	TUKYSA24	valrubicin 26
TRUETRACK TEST STRP43	TURALIO27	valsartan TABS 20
TRULICITY SC16	TUZISTRA XR37	valsartan-hydrochlorothiazide21
TRUMENBA66	TWINRIX SUSY69	VALTOCO 10 MG DOSE LIQD11
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC52	TWIRLA 35	VALTOCO 15 MG DOSE LQPK ...11
TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC52	TYBLUME CHEW35	VALTOCO 20 MG DOSE LQPK ...11
TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC52	TYBOST31	VALTOCO 5 MG DOSE LIQD 11
TRUSTEX LUBRICATED MISC ...52	TYMLOS45	vancomycin hcl CAPS 22
TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDED MISC52	TYVASO REFILL KIT SOLN IN ...33	vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG22
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC52	TYVASO SOLN IN33	vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML .22
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC52	TYVASO STARTER KIT SOLN IN .33	VAQTA 69
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 52	UBRELVY54	varenicline tartrate TABS 63
TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC53	UCERIS (budesonide (intrarectal)) .7	varenicline tartrate TBPK 63
TRUSTEX WITH NONOXYNOL- 9/RIBBED/STUDED MISC53	UDENYCA ONBODY SOSY50	VARIVAX SUSR IJ69
TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC . 53	UDENYCA SOAJ 50	VARUBI TBPK 18
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC 53	UDENYCA SOSY50	VAXNEUVANCE 66
TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 53	UPTRAVI TABS 200 MCG34	VECAMYL21
TRUXIMA24	UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG 34	VECTIBIX 100 MG/5ML 24
	UPTRAVI TITRATION PACK TBPK 34	VELPHORO48
	ursodiol CAPS 47	venlafaxine hcl CP24 150 MG 14
	ursodiol TABS47	venlafaxine hcl CP24 37.5 MG 14
	UVADEX27	venlafaxine hcl CP24 75 MG 14
	valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG ...31	venlafaxine hcl TABS 14
	valacyclovir hcl 500 MG32	venlafaxine hcl TB24 150 MG 14
	valganciclovir hcl TABS31	venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG 14
	valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML, 500 MG/10ML 13	verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG 33
	valproic acid CAPS 13	verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG 33

verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML ...	33	warfarin sodium TABS	10	XIFAXAN 200 MG	21
verapamil hcl TABS	33	water for irrigation, sterile	56	XIFAXAN 550 MG	21
verapamil hcl TBCR	33	WESTAB PLUS TABS	58	XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl)	15
VEREGEN	38	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	53	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	15
VERZENIO	27	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	53	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	15
VICTOZA (liraglutide)	16	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	53	XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML	9
vigabatrin PACK	12	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	53	XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	9
vigabatrin TABS	12	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	53	XOLAIR SOLR	9
VIIBRYD STARTER PACK KIT ...	14	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	53	XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML	9
vilazodone hcl TABS	14	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	53	XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	9
vincristine sulfate	28	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	53	XOSPATA	27
vinorelbine tartrate 10 MG/ML	28	XALKORI CAPS	27	XPOVIO	25
VIRACEPT TABS 250 MG	31	XARELTO STARTER PACK TBPK 10	10	XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY 25	25
VIRACEPT TABS 625 MG	31	XARELTO SUSR	10	XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY 25	25
VIREAD POWD	31	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	10	XTAMPZA ER	6
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	31	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..	10	XTANDI CAPS	25
VISTOGARD	17	XELJANZ SOLN	3	XTANDI TABS 40 MG	25
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	70	XELJANZ TABS 10 MG	3	XTANDI TABS 80 MG	25
VITATHELY/GINGER TABS	58	XELJANZ TABS 5 MG	3	XULTOPHY 100/3.6	15
VITRAKVI CAPS	27	XELJANZ XR TB24	3	XYNTHA	48
VITRAKVI SOLN	27	XEOMIN	58	XYNTHA SOLOFUSE	49
VIZIMPRO	24	XERAVA	64	YERVOY	24
VORAXAZE	28	XGEVA SOLN	45	YONSA	25
voriconazole TABS	18	XHANCE EXHU	58	zafirlukast	9
VOSEVI	31			zaleplon 10 MG	50
VOTRIENT (pazopanib hcl)	27				
VYNDAMAX	34				
VYNDAQEL	34				
VYVANSE CAPS	1				

zaleplon 5 MG	50	zolmitriptan SOLN	54
ZALTRAP 100 MG/4ML	24	zolmitriptan TABS	54
ZANOSAR	23	zolmitriptan TBDP	54
ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	13	zolpidem tartrate TABS	50
ZARXIO	50	zolpidem tartrate TBCR	50
ZEJULA CAPS	27	zonisamide CAPS	12
ZEJULA TABS 100 MG	27	ZONTIVITY	49
ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG .	27	ZORBTIVE SC	45
ZELBORAF	27	ZYDELIG	27
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	43	ZYLET	60
ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT	43		
zidovudine CAPS	31		
zidovudine SYRP	31		
zidovudine TABS	31		
ZIEXTENZO	50		
zileuton TB12	9		
ziprasidone hcl	29		
ZIRABEV	24		
ZIRGAN GEL	59		
ZOLADEX 10.8 MG	25		
ZOLADEX 3.6 MG	25		
zoledronic acid CONC	45		
zoledronic acid SOLN	45		
ZOLINZA	27		

AMB23-TX-C-00124

Ambetter from Superior HealthPlan bao gồm các sản phẩm EPO được bảo trợ bởi Celtic Insurance Company và các sản phẩm HMO được bảo trợ bởi Superior HealthPlan, Inc. Đây là các đơn vị cung cấp Chương Trình Bảo Hiểm Y Tế Đủ Điều Kiện trên Thị Trường Bảo Hiểm Y Tế Texas. Đây là thư mời chào mua bảo hiểm. ©2024 Celtic Insurance Company, ©2024 Superior HealthPlan, Inc. All rights reserved. Ambetter.SuperiorHealthPlan.com. Nếu quý vị hoặc người đang được quý vị giúp đỡ có thắc mắc về Ambetter from Superior HealthPlan và không thông thạo Anh ngữ, quý vị có quyền nhận trợ giúp và thông tin bằng ngôn ngữ của mình một cách kịp thời và hoàn toàn miễn phí. Nếu quý vị hoặc người đang được quý vị giúp đỡ có vấn đề về thính lực và/hoặc thị lực khiến việc giao tiếp khó khăn, quý vị có quyền nhận dịch vụ và thiết bị phụ trợ một cách kịp thời và hoàn toàn miễn phí. Để nhận dịch vụ dịch thuật hoặc dịch vụ phụ trợ, vui lòng liên hệ với ban Dịch Vụ Hội Viên theo số 1-877-687-1196 (Tiếp Âm Texas/TTY 1-800-735-2989). Để biết thêm thông tin về quyền được tham gia Ambetter from Superior HealthPlan mà không bị phân biệt đối xử hoặc quyền nhận dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ, thính lực và/hoặc thị lực, vui lòng truy cập AmbetterHealth.com, sau đó cuộn xuống cuối trang.